



THE UNIVERSITY OF DANANG

DANANG UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



SỔ TAY SINH VIÊN

KHOA ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

NĂM HỌC 2015-2016

Địa chỉ: Phòng C108, Tầng 1,
Khu C trường ĐHBK, 54 Nguyễn
Lương Bằng, TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.3841287
Fax: 0236.3841287

Email: khoadtvt@dut.udn.vn
Website: <http://ete.dut.udn.vn>

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU

1

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

9

QUY CHẾ - QUY ĐỊNH

37

CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG

49

HỖ TRỢ SINH VIÊN

63



Chỉ đạo nội dung

GS.TS. LÊ KIM HÙNG

PGS.TS. LÊ CUNG

PGS.TS. LÊ THỊ KIM OANH

PGS.TS. TRƯƠNG HOÀI CHÍNH

Ban biên tập

TS. NGUYỄN VĂN ĐÔNG

TS. PHAN MINH ĐỨC

PGS.TS. NGUYỄN VĂN TUẤN

HƯỚNG DẪN

SỬ DỤNG SỔ TAY SINH VIÊN



Sổ tay sinh viên của Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng là tài liệu nội bộ được biên soạn dành riêng cho sinh viên của Khoa Điện tử - Viễn thông, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất. Đây cũng là tài liệu hỗ trợ cán bộ quản lý, giảng viên của Trường thực hiện công tác cố vấn học tập, quản lý sinh viên.



STSV cung cấp những thông tin cần thiết, chỉ dẫn cơ bản cho toàn bộ quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ở Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng, bao gồm các chương trình đào tạo, các quy định, quy chế, chính sách áp dụng trong suốt quá trình học tập tại trường; những thông tin hỗ trợ sinh viên; quy trình làm việc của Khoa Điện tử - Viễn thông; phòng chức năng của trường



Học tập và rèn luyện ở bậc Đại học là phương thức đào tạo dựa trên nền tảng và sự chủ động tối đa của sinh viên, cố vấn học tập, các phòng chức năng và các tổ chức đoàn thể; mỗi sinh viên phải tự trang bị những kiến thức liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.



Những tài liệu hướng dẫn, mẫu biểu đi kèm các quy định đều được đăng tải trên website của Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng (dut.udn.vn).



Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc về STSV, xin liên hệ tại Phòng Công tác sinh viên của Trường, truy cập website ctsv.dut.un.vn hoặc gửi email về địa chỉ ctsv.dhbk@dut.udn.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

GIỚI THIỆU







GS. TS. Lê Kim Hùng
Hiệu trưởng Trường ĐHBK - ĐHĐN

Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Trường Đại học Bách khoa tiền thân là Viện Đại học Đà Nẵng được thành lập ngày 15/7/1975 theo Quyết định số 66/QĐ của Ủy ban Nhân dân Cách mạng khu Trung Trung bộ. Tháng 10/1976 Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 426/TTg thành lập Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng trên cơ sở của Viện Đại học Đà Nẵng. Đến tháng 04 năm 1994, Đại học Đà Nẵng được thành lập theo nghị định số 32/CP của Chính phủ, Trường Đại học Bách khoa được đổi tên thành Trường Đại học Kỹ thuật và là một thành viên của Đại học Đà Nẵng. Đến ngày 09/3/2004 Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 1178/QĐ-BGD&ĐT-TCCB, đổi tên thành Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng. Trong 40 năm qua, Trường Đại học Bách khoa không ngừng mở rộng quy mô đào tạo đại học và sau đại học, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ, cập nhật chương trình đào tạo hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của miền Trung, Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

TẦM NHÌN – SỨ MẠNG TRƯỜNG ĐHBK

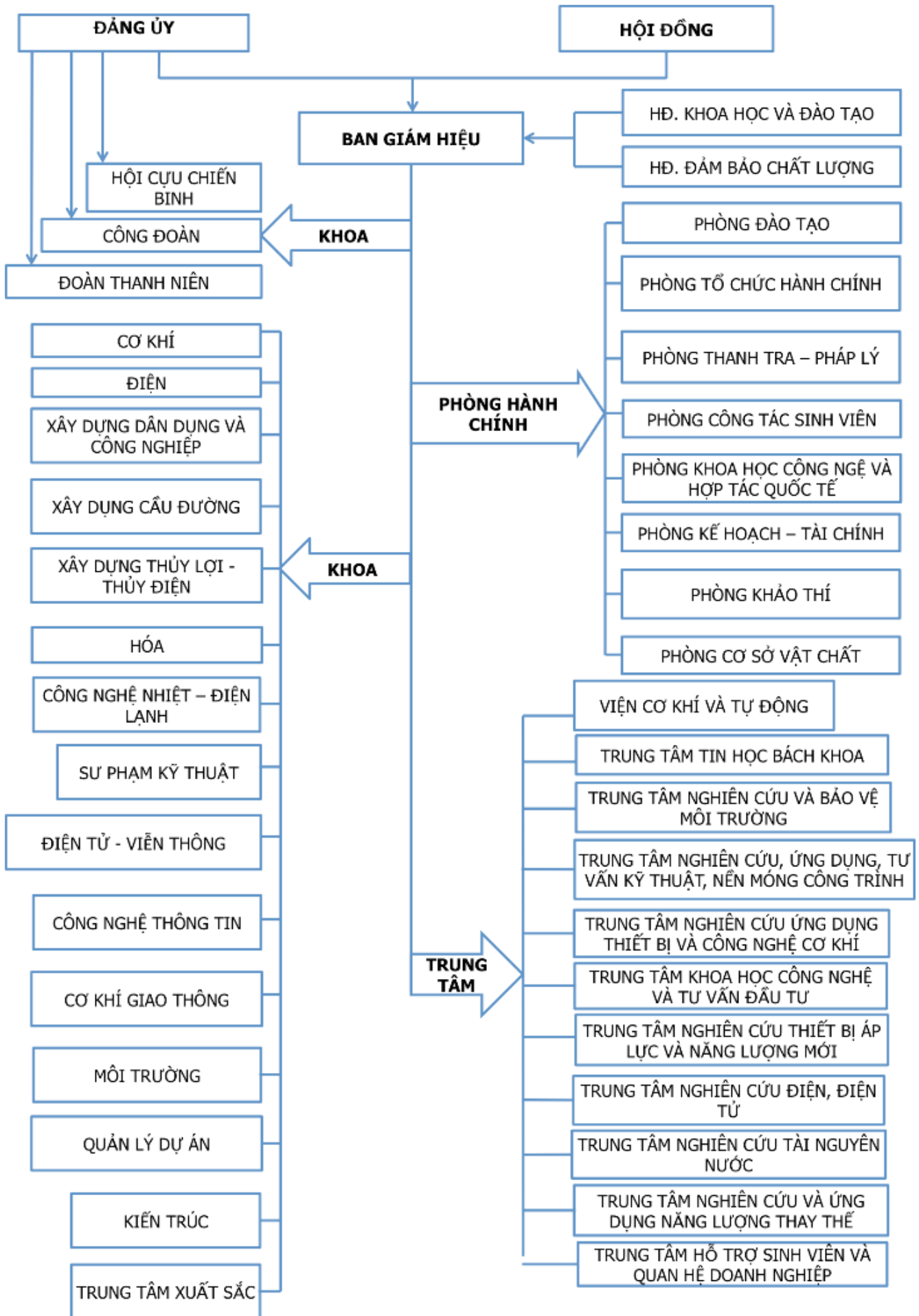
- Tầm nhìn: Trường ĐHBK sẽ trở thành một trong những trường đại học hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á
- Sứ mạng: Là nơi đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, công nghệ chất lượng

cao và cung cấp các dịch vụ khoa học, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế-xã hội của khu vực miền Trung-Tây Nguyên và cả nước

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Hiện nay tổ chức bộ máy của Trường gồm 14 khoa và 01 trung tâm xuất sắc, 08 phòng chức năng, 01 bộ môn ngoại ngữ chuyên ngành, 01 Viện và 10 Trung tâm NCKH, CGCN. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có 482 người, trong đó có 03GS, 34PGS, 112TS, 226ThS. Bên cạnh đó, Nhà trường có 176 giảng viên các cơ sở giáo dục thành viên và thỉnh giảng tham gia giảng dạy, gồm 01GS, 07PGS, 30TS, 123ThS. Tổng số lượng sinh viên chính quy là 15.229.

Trường hiện đang triển khai đào tạo 33 chương trình đào tạo trình độ đại học gồm: 24 chương trình đại trà; 02 chương trình đào tạo kỹ sư theo Chương trình Tiên tiến Việt-Mỹ; 03 ngành đào tạo theo chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp; 04 ngành đào tạo chất lượng cao. Đối với đào tạo sau đại học Trường đang triển khai 16 chuyên ngành Thạc sỹ và 13 chuyên ngành Tiến sỹ. Tổng số sinh viên đại học: 15.594, trong đó có 15.229 hệ chính quy, 365 sinh viên thuộc hệ vừa làm vừa học, 52 sinh viên Lào. Tổng số học viên cao học và NCS: 468, trong đó 01 học viên cao học Lào và 01 NCS Lào.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA



HỢP TÁC QUỐC TẾ

Nhà trường có quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) với trên 50 trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục của hơn 20 quốc gia trên thế giới, là thành viên của nhiều tổ chức mạng lưới đại học quốc tế: Hoa Kỳ: University of Washington, Portland State University, Catholic University of America, Texas Tech University; Cộng hòa Pháp: ĐHBK Grenoble, ĐHBK Toulouse, ĐH Trung

tâm Lyon, ĐH Trung tâm Paris, Viện Dầu khí, ĐH Nice Sophia Antipolis, ĐH Nante, ĐH Toulone Var, ĐH Valenciennes...; Nhật Bản: ĐH Osaka, ĐH Kyoto, ĐH Osaka Phủ lập, ĐH Kumamoto, ĐH Công nghệ Nagaoka, ĐH Obirin...; Singapore: ĐH Nanyang, ĐH Quốc gia Singapore, ĐH Singapore; Thái Lan: Học viện Công nghệ Châu Á, Đại học Ubon; Áo: ĐH Công nghệ Graz; Úc: ĐH Griffith, ĐH Canberra, ĐH Queensland, ĐH Monash, ĐH Wollongong, ...



KHOA ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

Giới thiệu chung:

Ngành Điện tử – Viễn thông (ĐTVT) được hình thành và phát triển trên cơ sở ban đầu là Bộ môn Mạch - Điện tử. Năm 1988, ngành ĐTVT được hình thành từ Bộ môn này và được đánh dấu bằng việc đào tạo 24 sinh viên chuyên ngành Điện tử – Viễn thông đầu tiên. Đến năm 2004 thì Khoa Công nghệ Thông tin - Điện tử Viễn thông tách ra và hình thành Khoa Điện tử - Viễn thông nhằm đáp ứng với nhu cầu xã hội và sự lớn mạnh của ngành Điện tử – Viễn thông như ngày nay.

Cơ cấu đội ngũ CBVC:

- Tổng số cán bộ viên chức: 43 người, hiện có 29 người (trừ 13 giảng viên đang học tập và nghiên cứu ở nước ngoài).

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, nhân viên (trình độ chuyên môn, nghiệp vụ): 05 PGS.TS, 15 Tiến sĩ, 20 Thạc sĩ, 10 Kỹ sư/Cử nhân.

Nghiên cứu khoa học:

Chủ trì, tham gia và hoàn thành nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Trường đạt kết quả từ loại khá trở

lên. Tổ chức/đồng tổ chức nhiều hội nghị khoa học quốc tế. Biên soạn nhiều sách, giáo trình, đăng nhiều bài báo ISI trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế như Mỹ, Đức, Áo, Canada, Hà lan, Nhật, Hàn Quốc... Các hướng nghiên cứu: Mạng 4G LTE, Wireless, Mạng quang thế hệ mới, Tương thích điện tử, Hệ thống thông tin vệ tinh, Anten, Truyền sóng, Thiết kế ASIC và VLSI tiên tiến, Hệ thống điều khiển, Hệ thống nhúng, Robot, Xử lý tín hiệu số, Xử lý tiếng nói, Xử lý ảnh, Trí tuệ nhân tạo, Mô hình hoá và mô phỏng, Mạng Viễn thông.... Sinh viên của Khoa tham gia và đạt giải cao trong các hội nghị khoa học sinh viên Đại học Đà Nẵng, giải Texas Instruments, Robocon, giải VIFOTEC...

Thành tích thi đua:

- Huân chương lao động hạng Ba
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

A group of young people, mostly in white shirts, are gathered around a dark table. Many of them are giving a thumbs-up gesture. In the foreground, a young man with glasses and a white shirt is smiling and giving a thumbs-up. On the table, there is a water bottle, a glass, and some papers. The background shows a wall with a geometric pattern.

Chương trình
ĐÀO TẠO



KHOA ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG

Chương Trình Đào Tạo

GIỚI THIỆU CHUNG

Khoa Điện tử – Viễn thông là nơi có truyền thống lâu đời trong đào tạo nguồn nhân lực về ngành Điện tử – Viễn thông cho các tỉnh thành khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Các sinh viên của ngành luôn được ưu tiên tuyển chọn trong công việc và được xác nhận năng lực bởi xã hội. Hiện tại khoa Điện tử - Viễn thông có 3 bậc đào tạo: Tiến sĩ, Thạc sĩ và Đại học.

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Điện tử - Viễn thông ban đầu được thiết kế theo hệ niên chế. Năm 2009, chương trình chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 180 tín chỉ, thời gian đào tạo thiết kế cho chương trình là 5 năm. Đến năm 2012, tổng khối lượng kiến thức toàn khóa được rút xuống còn 150 tín chỉ, thời gian đào tạo 5 năm. Đến năm 2015, chương trình Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông được đào tạo với tổng khối lượng kiến thức toàn khóa là 152 tín chỉ nhưng được thiết kế với thời gian đào tạo 4.5 năm.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông
Ngành đào tạo	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông
Trình độ đào tạo	Đại học
Mã số	52905206
Loại hình đào tạo	Chính quy
Khoa quản lý	Khoa Điện tử - Viễn thông
Thời gian đào tạo	4.5 năm
Khối lượng kiến thức toàn khóa	152 tín chỉ, không kể chương trình “Giáo dục thể chất” và “Giáo dục Quốc phòng – An ninh” theo quy định chung của Bộ GD&ĐT
Ngôn ngữ	Tiếng Việt
Website	http://ete.dut.udn.vn/

MỤC TIÊU

Chương trình nhằm đào tạo những kỹ sư ngành Điện tử - Viễn thông có những khả năng sau:

1. Phân tích các vấn đề trong các hệ thống ĐT, VT, MT và xây dựng các mô hình liên quan; từ đó tính toán, thiết kế, xây dựng hệ thống.

2. Giải quyết vấn đề thông qua việc tính toán, thiết kế, xây dựng hệ thống kết hợp với việc sử dụng các phần mềm chuyên dùng trong ngành ĐT, VT, MT.

3. Diễn đạt, trình bày, thuyết trình, giải thích rõ ràng những vấn đề phức tạp, các giải pháp thay thế trong ngành ĐT, VT, MT.

4. Làm việc hiệu quả trong các vai trò khác nhau như tổ chức, quản lý, điều hành, vận hành, thiết kế, thi công; học tập suốt đời.

5. Đáp ứng đầy đủ yêu cầu học tập và nghiên cứu về ngoại ngữ theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Bách khoa.

6. Có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và ý thức cộng đồng.

CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi tốt nghiệp từ chương trình, sinh viên có:

1. Khả năng áp dụng kiến thức về khoa học cơ bản trong công việc.
2. Khả năng áp dụng kiến thức cơ bản và cơ sở ngành Điện tử - Viễn thông trong công việc, có thể sử dụng các phương pháp kỹ thuật, thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng.
3. Khả năng thiết kế và thực hiện các thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu;

xác định và giải quyết các vấn đề kỹ thuật; duy trì, tư vấn, giám sát, vận hành và quản lý các thiết bị và hệ thống Điện tử - Viễn thông.

4. Khả năng suy nghĩ độc lập, tư duy phân biện, và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

5. Khả năng diễn đạt và trình bày rõ ràng các vấn đề kỹ thuật cần phải giải quyết và kết quả đạt được.

6. Khả năng tiếp thu kiến thức mới, cập nhật thông tin để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh chóng của lĩnh vực Điện tử - Viễn thông và học suốt đời.

7. Khả năng đóng góp kiến thức để giải quyết các vấn đề về Điện tử - Viễn thông liên quan đến xã hội và môi trường.

8. Khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ trong công việc.

YÊU CẦU NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Sinh viên tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ đạt bậc 3 theo “Thang năng lực ngoại ngữ quốc gia 6 bậc” do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

CƠ HỘI VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP

Sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư của ngành Điện tử Viễn thông có thể làm các công việc về:

1. Kỹ thuật, tư vấn, tính toán, thiết kế, khai thác, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống tại các đơn vị sản xuất trong lĩnh vực Điện tử, Viễn thông, Máy tính.
2. Làm việc ở các cơ quan quản lý và kinh doanh có liên quan đến chuyên ngành Điện tử, Viễn thông, Máy tính.
3. Giảng dạy các môn thuộc ngành Điện tử, Viễn thông, Máy tính ở các trường Đại học,

Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và các trường phổ thông.

nghiên cứu và các Trường Đại học và Cao đẳng.

4. Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về Kỹ thuật Điện tử, Viễn thông và Máy tính ở các Viện nghiên cứu, các Trung tâm

* Thông tin cụ thể về hợp tác đào tạo và doanh nghiệp có thể xem tại website <http://ete.dut.udn.vn>

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

	Khối kiến thức	Số tín chỉ (Tỉ lệ %)	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
			1	2	3	4	5	6	7	8
Kiến thức đại cương	Kiến thức đại cương	38.5 (25.3%)	H	H			H	L	L	L
	Kiến thức Toán - Lý	26 (17.1%)	H	H		L				
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Kiến thức cơ sở ngành	40 (26.3%)	H	H	H	L	H	H		
	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	27.5 (18.1%)	H	H	H	L	L	H	L	L
	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	10 (6.6%)	H	H	H	H	L	H	L	L
	Đồ án tốt nghiệp	10 (6.6%)	H	H	H	H	H	H	L	L
Tổng cộng		152								

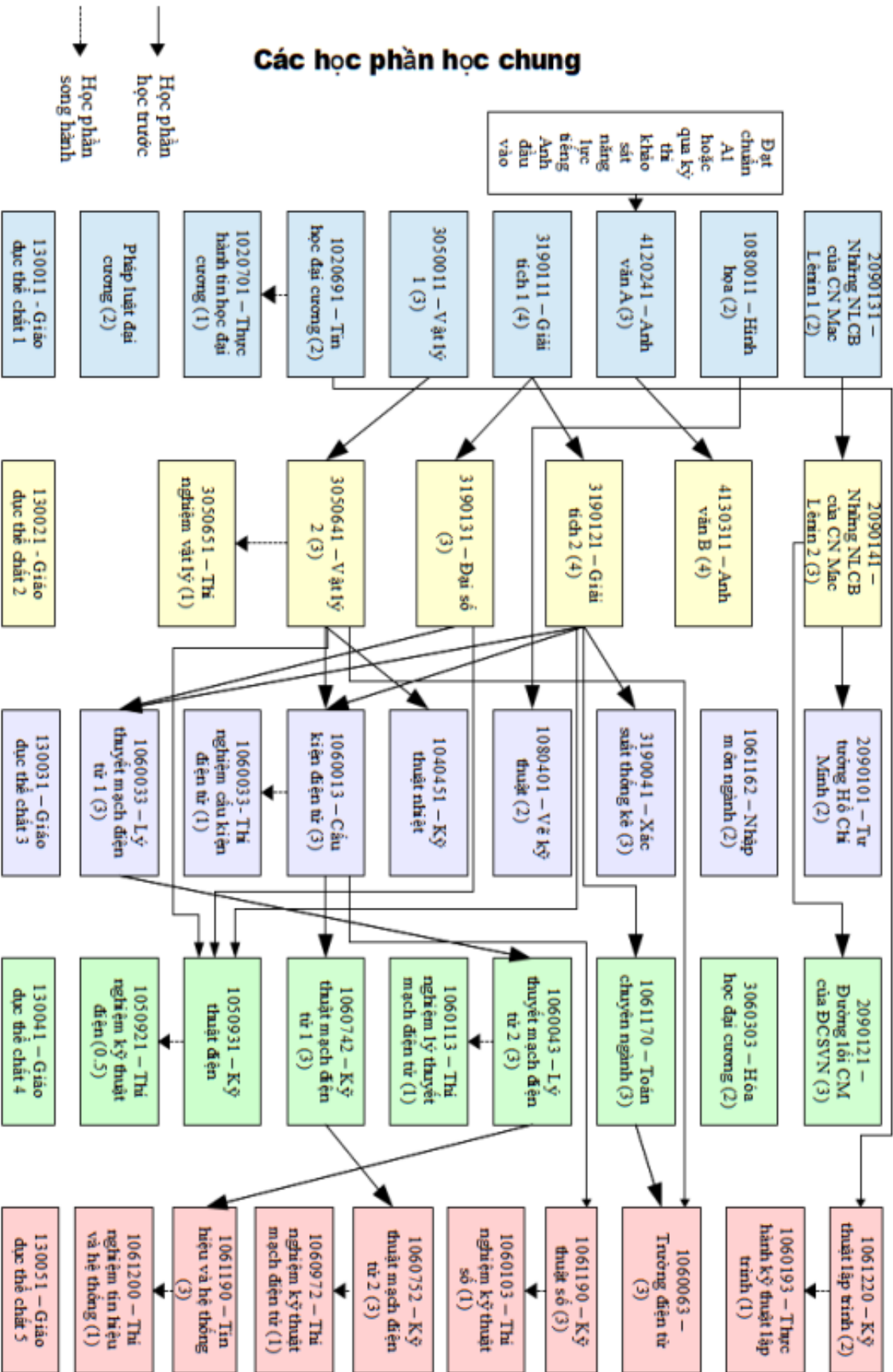
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	Anh văn A	3	H	H				L		H
2	Anh văn B	4	H	H				L		H
3	Anh văn chuyên ngành ĐTVT	2	H	H				L		H
4	Cấu kiện điện tử	3	H	H	H		L	H		
5	Cấu trúc dữ liệu	2	H	H	H		L	H		
6	Chuyên đề KT Điện tử	2	H	H	H	L		L	L	H
7	Chuyên đề KT Máy tính	2	H	H	H	L		L	L	H
8	Chuyên đề KT Viễn thông	2	H	L	H	L		L	L	H
9	Công nghệ phần mềm	2	H	H	H	L		L		
10	Công nghệ vi điện tử	2	H	H	H	L	L	H		
11	Đại số	3	H	H				H		
12	Điện tử thông tin	2	H	H	H	L		H		
13	Điện tử ứng dụng	2	H	H	H	H	L	H		
14	Điện tử y sinh	2	H	H	H	L	L	H		
15	Điều khiển logic	2	H	H	H	L	L	H	L	
16	Đồ án chuyên ngành ĐT	2	H	H	H	H	H	H	L	L
17	Đồ án chuyên ngành VT	2	H	H	H	H	H	H	L	L

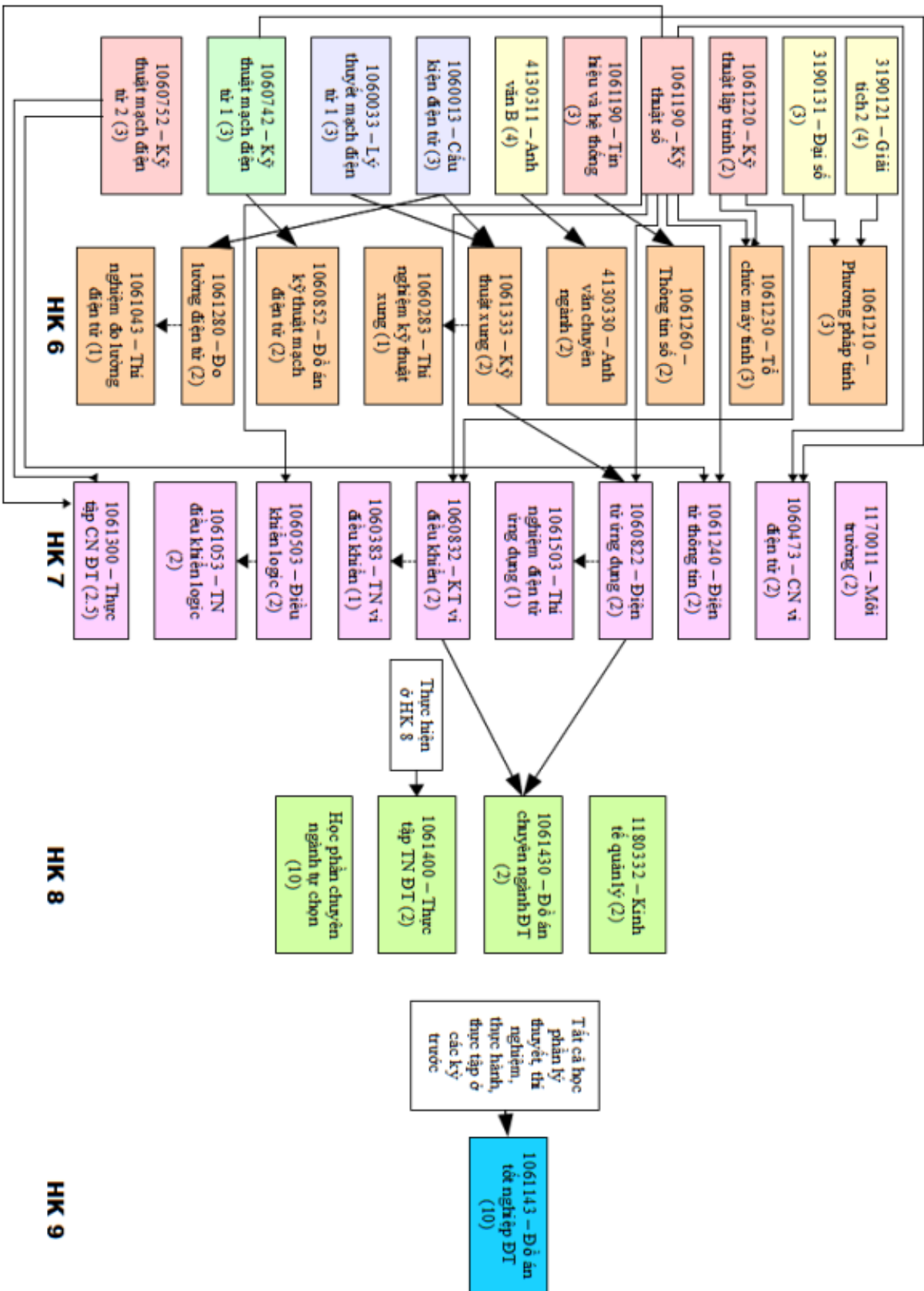
STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra							
			1	2	3	4	5	6	7	8
18	Đồ án chuyên ngành MT	2	H	H	H	H	H	H	L	L
19	Đồ án điện tử thông tin	2	H	H	H	L	H	H		
20	Đồ án kỹ thuật mạch ĐT	2	H	H	H	L	L	H		
21	Đồ án tốt nghiệp ĐT	10	H	H	H	H	H	H	L	H
22	Đồ án tốt nghiệp MT	10	H	H	H	H	H	H	L	H
23	Đồ án tốt nghiệp VT	10	H	H	H	H	H	H	L	H
24	Đo lường điện tử	2	H	H	H	L	L	H		
25	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3						L	H	
26	Giải tích 1	4	H	H				L		
27	Giải tích 2	4	H	H				L		
28	Hình họa	2	H	H				L		
29	Hóa đại cương	2	H	H				L		
30	Kiến trúc và thiết kế máy tính	2		H	H	L	L	H		L
31	Kinh tế quản lý	2	H	H				L	H	
32	Kỹ thuật anten	2	H	H	H	L		H		
33	Kỹ thuật chuyên mạch	2	H	H	H	L		H		
34	Kỹ thuật đa phương tiện	2	H	H	H	L	L	H		
35	Kỹ thuật điện	2	H	H				L		
36	Kỹ thuật điện thoại	2	H	H	H	L		H		
37	Kỹ thuật lập trình	2	H	H	H	L		H		
38	Kỹ thuật mạch điện tử 1	3	H	H	H	L		H		
39	Kỹ thuật mạch điện tử 2	3	H	H	H	L		H		
40	Kỹ thuật nhiệt	2	H	H				L		
41	Kỹ thuật siêu cao tần	2	H	H	H	L		H		
42	Kỹ thuật số	3	H	H	H	L		H		
43	Kỹ thuật truyền hình	2	H	H	H	L	L	H	L	
44	Kỹ thuật vi điều khiển	2	H	H	H	L	L	H		
45	Kỹ thuật vi xử lý	3	H	H	H	L	L	H		
46	Kỹ thuật xung	2	H	H	H	L	L	H		
47	Lý thuyết mạch điện tử 1	3	H	H	H	L		H		
48	Lý thuyết mạch điện tử 2	3	H	H	H	L		H		
49	Lý thuyết thông tin	2	H	H	H	L	L	H		
50	Mạng thông tin máy tính	2	H	H	L	L	L	H		
51	Môi trường	2	H	H				L	H	
52	Nhập môn ngành	2	H	H	L	H	H	L		
53	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac Lenin 1	2						L	H	
54	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac Lenin 2	3						L	H	
55	Pháp luật đại cương	2	H	H				L	H	
56	Phương pháp tính	3	H	H				T	T	
57	Thiết kế bộ lọc số	2	H	H	H	L		H		
58	Thiết kế hệ thống nhúng	2		H	H	L	L	H		
59	Thông tin di động	2	H	H	H	L	L	H	L	L
60	Thông tin số	2	H	H	H	L	L	H		

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra							
			1	2	3	4	5	6	7	8
61	Thông tin sợi quang	2	H	H	H	L	L	H	L	L
62	Thông tin vi ba-vệ tinh	2	H	H	H	L	L	H	L	L
63	Thực hành tin học đại cương	1	H	H				L		
64	Thực tập công nhân ĐT	2.5	H	H	H		L			
65	Thực tập công nhân MT	2.5	H	H	H	L	L	L		
66	Thực tập công nhân VT	2.5	H	H	H	L	L	L	L	
67	Thực tập tốt nghiệp ĐT	2	H	H	H	L	L	L	L	L
68	Thực tập tốt nghiệp MT	2	H	H	H	L	L	L	L	L
69	Thực tập tốt nghiệp VT	2	H	H	H	L	L	L	L	L
70	Tín hiệu và hệ thống	3	H	H	H	L	H	H		
71	Tin học đại cương	2	H	H				L		
72	TH kỹ thuật lập trình	1	H	H		L	H	H		
73	TN cấu kiện điện tử	1	H	H		L	H	H		
74	TN điện tử ứng dụng	1	H	H	H	L	L	H		
75	TN điều khiển logic	1	H	H	H	L	L	H		
76	TN đo lường điện tử	1	H	H		L	H	H		
77	TN kỹ thuật anten	1	H	H	H	L	L	H		
78	TN kỹ thuật điện	0.5	H	H		L		L		
79	TN kỹ thuật mạch điện tử	1	H	H	H	L	L	H		
80	TN kỹ thuật số	1	H	H		L	L	H		
81	TN kỹ thuật xung	1	H	H		L	L	H		
82	TN lý thuyết mạch điện tử	1	H	H	L	L	H	H		
83	TN kỹ thuật vi điều khiển	1	H	H		L	L	H		
84	TN kỹ thuật vi xử lý	1	H	H		L	L	H		
85	TN mạng thông tin máy tính	1	H	H		L	H	H		
86	TN siêu cao tần	1	H	H	H	L	L	H		
87	TN tín hiệu và hệ thống	1	H	H		L	L	H		
88	TN thiết kế bộ lọc số	1	H	H		L	L	H		
89	TN hệ thống thông tin	1	H	H	H	L	L	H		
90	TN vật lý	1	H	H		L		L		
91	Tổ chức máy tính	3	H	H	L	L	L	H		
92	Toán chuyên ngành	3	H	H		L		H		
93	Trường điện từ	3	H	H	H	L		H		
94	Truyền số liệu	2	H	H	H	L	L	H		
95	Truyền sóng	2	H	H	H	L		H		
96	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						H		
97	Vật lý 1	3	H	H				L		
98	Vật lý 2	3	H	H				L		
99	Vẽ kỹ thuật	2	H	H				L		
100	Xác suất thống kê	3	H	H				L		
101	Xử lý ảnh	2	H	H	H	L		H		
102	Xử lý tín hiệu số	3	H	H	H	L		H		

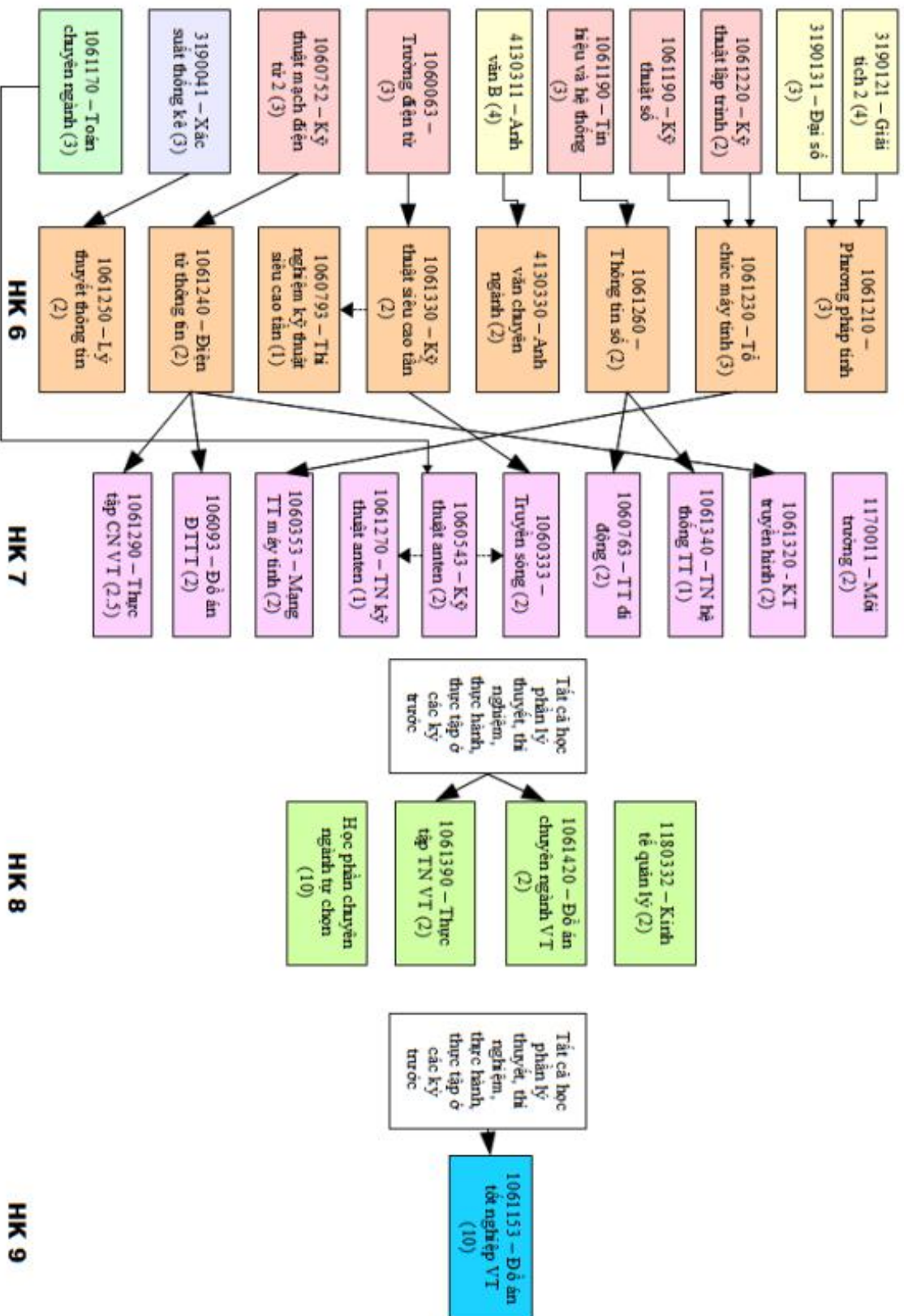
CÂY CHƯƠNG TRÌNH



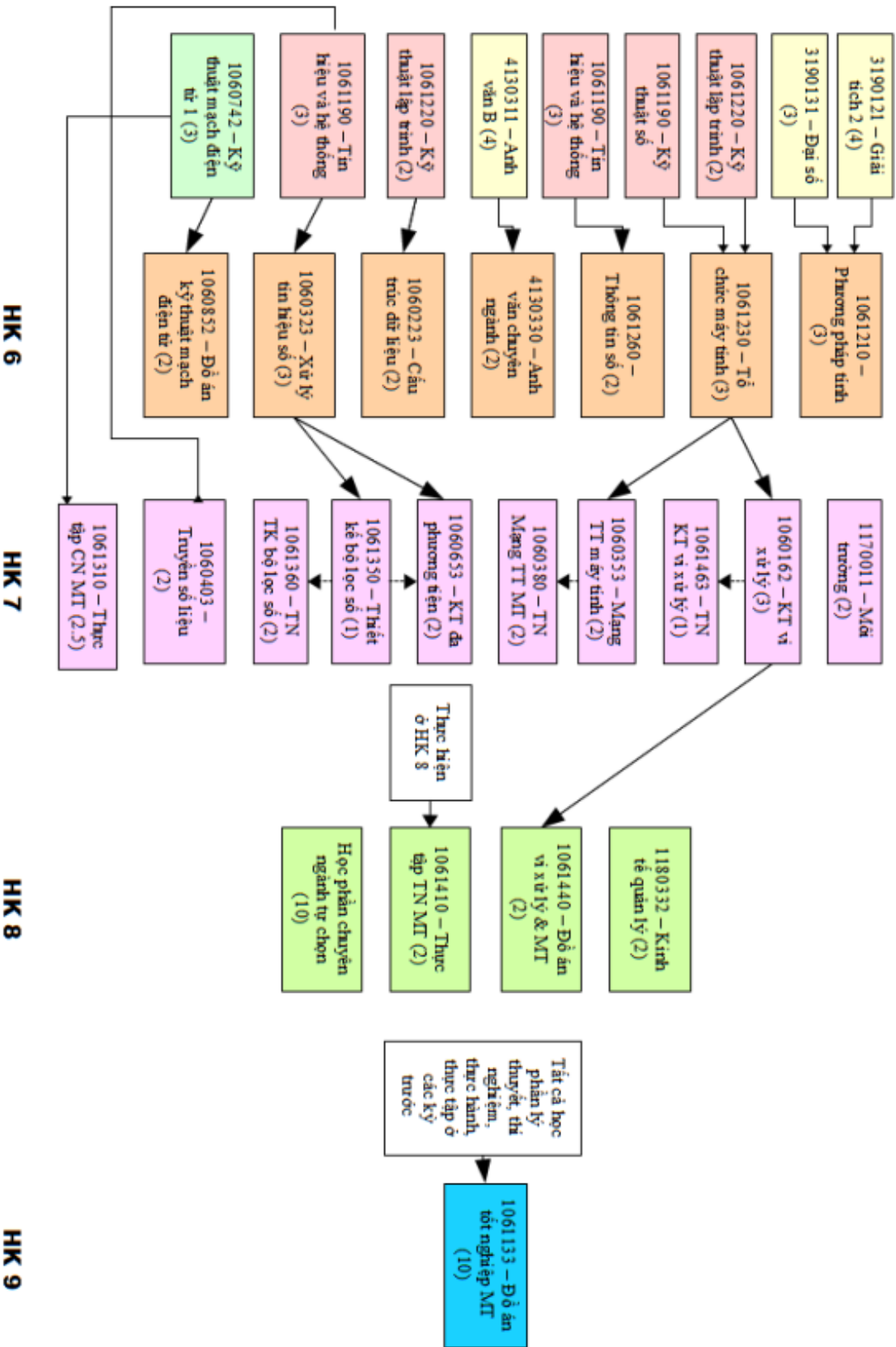
Chuyên ngành: Kỹ thuật Điện tử



Chuyên ngành: Kỹ thuật Viễn thông



Chuyên ngành: Kỹ thuật Máy tính





TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Các đối tượng có đủ điều kiện dự thi và tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thi tuyển sinh: Khối A và A1.

QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá học phần và xét công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo hiện hành (“Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”, Quyết định số 564/ĐHBK-ĐT/2013 do Hiệu trưởng ban hành ngày 13 tháng 5 năm 2013).

Kế hoạch đào tạo toàn khóa học, kế hoạch năm học do Hiệu trưởng quy định.



CHIẾN LƯỢC DẠY-HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

CHIẾN LƯỢC DẠY-HỌC

a) Chiến lược học tập tích cực (Activity-based strategies)

Tổ chức các hoạt động theo cá nhân hay nhóm để phát triển các kỹ năng trao đổi có mục đích, lên kế hoạch dự án, nắm bắt vấn đề từ đặt câu hỏi, phân tích và sáng tạo sản phẩm từ đó. Phương pháp có thể áp dụng cho sinh viên trong lớp học thuần túy, hay trong thư viện, hay các xí nghiệp, hay môi trường tự nhiên. Giúp sinh viên có khả năng tạo được kế hoạch và các bước thực hiện cũng như khả năng mô tả được kết quả đạt được. Các chiến lược thường gặp trong nhóm này như lấy người học làm trung tâm, thảo luận, làm việc nhóm, thuyết trình,...

b) Chiến lược dựa trên nghệ thuật (Arts-Based Strategies)

Các chiến lược dạy và học dựa trên nghệ thuật là những chiến lược cố gắng nâng cao thành tích của người học bằng cách thu hút người học trong các hình thức khác nhau, âm thanh và hình ảnh. Những chiến lược này có thể được sử dụng trong suốt chương trình giảng dạy và nói chung nhấn mạnh vào quá trình sáng tạo và quan trọng hơn là nhấn mạnh vào sản phẩm hoặc hiệu suất.

c) Chiến lược làm việc cộng tác (Cooperative Strategies)

Sinh viên tạo thành các nhóm để cùng làm việc. Có 5 yếu tố cơ bản của chiến lược này gồm: suy nghĩ tập thể lạc quan, khuyến khích lẫn nhau, sự đóng góp của cá nhân dẫn đến thành công của cả đội, kỹ năng nhóm nhỏ và các cá nhân, phát triển nhóm. Các chiến lược thường gặp trong nhóm này như tạo nhóm học tập, tạo cộng đồng học tập chung, kiểm soát mâu thuẫn trong nhóm,...

d) Chiến lược chỉ dẫn trực tiếp (Direct-Instruction Strategies)

Giảng dạy trực tiếp là hình thức thuyết giảng, truyền đạt kiến thức theo kiểu thầy dạy trò nghe và thường được áp dụng cho lớp học truyền thống hoặc áp dụng đặc biệt khi mà các chiến lược khác bị thất bại khi áp dụng. Tuy nhiên, nên cân bằng giữa chiến lược này và các chiến lược khác. Chiến lược này hiệu quả khi cần phải trình bày một số thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới, hoặc giảng dạy trực tiếp cho người học trước khi tự họ nắm bắt bài học. Các chiến lược thường gặp như ôn bài cũ, trình bày bài học mới, thuyết trình, thực hành (có hướng dẫn/không hướng dẫn),...

e) Chiến lược sử dụng công nghệ thông tin (ICT-Based Strategies)

Sử dụng các trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại để sáng tạo, hiệu chỉnh, truyền tải nội dung bài giảng như ứng dụng đồ họa, sử dụng phần mềm mô phỏng, ... để đạt được mục đích của môn học.

f) Chiến lược học tập độc lập (Independent Learning Strategies)

Giúp sinh viên phát triển khả năng chịu trách nhiệm cho việc học và hiểu được làm thế nào để tự học. Chiến lược này thể hiện qua việc các bản báo cáo, bài báo, ... phải thể hiện tiêu chí rõ ràng về tiêu chuẩn và sự độc lập trong suy nghĩ và cấu trúc. Các chiến lược thường gặp bao gồm bài tập về nhà, nội dung tự tìm hiểu, ghi nhớ, ghi chép, nghiên cứu, báo cáo,...

g) Chiến lược dựa trên đặt câu hỏi (Inquiry-based strategies)

Sinh viên có thể học hỏi thông qua cách đặt câu hỏi đến giảng viên để điều tra hoặc nghiên cứu một chủ đề, một ý tưởng, hoặc một vấn đề. Các chiến lược thường gặp như sử dụng mô hình, vận dụng kỹ năng nhận thức, kỹ năng tính toán,...

h) Chiến lược kỹ năng suy nghĩ giải quyết vấn đề (Thinking skill strategies)

Giúp sinh viên phát triển khả năng xem xét một ý kiến, phân tích tầm nhìn, giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN

Đánh giá sinh viên nhằm cung cấp cho sinh viên các phản hồi về kết quả học tập của mình. Các phương pháp đánh giá cần phân loại được sinh viên bằng cách sử dụng các tiêu chí phân loại rõ ràng và thông báo các tiêu chí này cho sinh viên.

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên có thể bao gồm những đánh giá chính thức hoặc không chính thức, cá nhân hay tập thể, bao gồm đánh giá về kiến thức và các kỹ năng cá

nhân và giao tiếp, kỹ năng điều hành sản xuất và xây dựng hệ thống.

a) Phương pháp đánh giá không chính thức

Các phương pháp đánh giá không chính thức có thể sử dụng như đặt câu hỏi tại lớp, các hoạt động nhỏ sau khi kết thúc buổi học hoặc các câu hỏi tự học. Các hoạt động này nhằm giúp sinh viên nhận ra những điểm quan trọng nhất của bài học, những điều còn chưa hiểu và giúp sinh viên phát triển kỹ năng tự giám sát việc học của mình để từ đó có những điều chỉnh phù hợp.

b) Phương pháp đánh giá chính thức

Các phương pháp đánh giá chính thức như làm bài tập nhóm, báo cáo, trình bày, ... có sự giám sát của giảng viên và giúp đỡ những sinh viên gặp khó khăn hay đi lệch hướng. Qua đó giảng viên có thể điều chỉnh hướng dẫn của mình cho phù hợp với nhu cầu học tập của sinh viên. Trong các hoạt động nhóm, cần đánh giá đúng sự đóng góp và trách nhiệm giữa các thành viên trong nhóm. Đồng thời yêu cầu sinh viên suy nghĩ về những vấn đề phức tạp hơn. Điều này sẽ giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng giải quyết những vấn đề nảy sinh trong nhóm.

c) Đánh giá tổng kết

Đánh giá tổng kết được thực hiện vào giữa và cuối khóa học nhằm đo lường mức độ đạt được của kết quả học tập dự kiến của sinh viên.

d) Bài kiểm tra

Bao gồm các kỳ thi giữa kỳ và bài kiểm tra vào cuối học kỳ. Các bài kiểm tra ở hình thức tự luận, bao gồm một số loại câu hỏi như: câu trả lời ngắn gọn, nhiều lựa chọn, đúng sai, và bài luận ngắn; hoặc có thể ở dạng đề tài, yêu cầu sinh viên phải tìm hiểu về một vấn đề nào đó, viết báo cáo và trình bày kết quả tìm hiểu của mình. Mục đích

chính là để cho phép sinh viên thể hiện đầy đủ những kiến thức của họ về học phần.

e) Các đề tài và bài thuyết trình

Hình thức này cho phép sinh viên có cơ hội tiếp cận sâu hơn với các tài liệu liên quan đến học phần. Thông thường, sinh viên sẽ được phân thành các nhóm, cùng tìm hiểu về một vấn đề liên quan đến học phần, viết báo cáo và trình bày kết quả tìm hiểu của mình. Điều này tạo cho sinh viên nhiều cơ hội để thể hiện các kỹ năng cá nhân và giao tiếp.

f) Đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp yêu cầu sinh viên hoặc nhóm tổng hợp tất cả các kiến thức đã được học để thực hiện một đề tài phù hợp dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Đồ án tốt nghiệp có thể được thực hiện tại nhà trường hoặc theo hình thức phối hợp với doanh nghiệp để tìm hiểu, giải quyết những vấn đề đang được doanh nghiệp quan tâm (Capstone Project).

THANG ĐÁNH GIÁ

a) Thang đánh giá tổng quát

Mục tiêu đánh giá	Mức độ đạt			
	Cần cải thiện (1)	Đáp ứng cơ bản (2)	Đạt chuẩn yêu cầu (3)	Vượt trên chuẩn (4)
Kỹ năng làm việc nhóm	Có sự phân công rõ ràng về vai trò của thành viên nhưng không phân bổ nhiệm vụ, kết quả rõ ràng.	Vai trò, phân phối nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên, không phân bổ sản phẩm rõ ràng .	Phân công vai trò của thành viên trong các hoạt động rõ ràng, phù hợp với các sản phẩm.	Phân công vai trò của thành viên trong các nhiệm vụ rõ ràng và phù hợp với sản phẩm, xác định thời gian rõ ràng cho từng sản phẩm.
Kỹ năng thiết kế và thực hiện	Mục đích không được xác định rõ ràng. Ý tưởng chính không nhằm giải quyết vấn đề đặt ra. Ý tưởng rời rạc.	Mục đích chính của công việc được xác định. Các ý tưởng thường tập trung nhằm giải quyết vấn đề đặt ra.	Mục đích chính của công việc là rõ ràng và các ý tưởng hầu như luôn luôn tập trung nhằm giải quyết vấn đề đặt ra. Các chi tiết liên quan minh họa cho ý tưởng của tác giả.	Mục đích chính của công việc là rõ ràng và các ý tưởng hỗ trợ tốt. Có nhiều chi tiết liên quan, làm phong phú thêm công việc.
Kỹ năng viết báo cáo	Thông tin và ý tưởng không có tính trình tự.	Thông tin và ý tưởng được trình bày theo thứ tự	Thông tin và ý tưởng được trình bày theo thứ tự	Thông tin và ý tưởng được trình bày theo một

Mục tiêu đánh giá	Mức độ đạt			
	Cần cải thiện (1)	Đáp ứng cơ bản (2)	Đạt chuẩn yêu cầu (3)	Vượt trên chuẩn (4)
Kỹ năng thuyết trình	Người đọc gặp khó khăn theo chủ đề đặt ra.	mà người đọc có thể theo dõi nhưng còn gặp khó khăn.	logic để người đọc có thể theo dõi mà ít hoặc không gặp khó khăn.	trình tự logic tự nhiên và hấp dẫn khán giả.

b) Thang đánh giá đồ án

Mục tiêu đánh giá	Mức độ đạt			
	Cần cải thiện (1)	Đáp ứng cơ bản (2)	Đạt chuẩn yêu cầu (3)	Vượt trên chuẩn (4)
Mục tiêu công việc (mục tiêu tổng thể)	Mục tiêu công việc không được xác định; Các giải pháp đề xuất chính không hỗ trợ giải quyết vấn đề; Cấu trúc đề xuất chưa được liên mạch	Mục tiêu công việc được xác định; Các giải pháp đề xuất chính có hỗ trợ vấn đề cần giải quyết; Cấu trúc đề xuất có sự kết nối	Mục tiêu công việc được xác định rõ ràng; Các giải pháp đề xuất chính phù hợp để giải quyết vấn đề; Cấu trúc đề xuất liên kết mạch lạc	Mục tiêu công việc được xác định rõ ràng; Các giải pháp đề xuất chính phù hợp và có tính hiện đại để giải quyết vấn đề; Cấu trúc đề xuất liên kết mạch lạc ở mức chi tiết.
Mục tiêu về kiến thức (mục tiêu kỹ thuật)	Hiểu biết chưa chắc chắn các kiến thức cơ bản; Vận dụng chưa hợp lý các kiến thức cơ bản để giải quyết vấn đề.	Có hiểu biết và vận dụng các kiến thức cơ bản của lĩnh vực liên quan để giải quyết vấn đề.	Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản cùng với các giải pháp kỹ thuật phức tạp để giải quyết vấn đề; Có khả năng phân tích vấn đề, đánh giá kết quả và đưa ra các nhận xét để cải tiến	Nắm vững các kiến thức cơ bản, vận dụng tốt các giải pháp kỹ thuật phức tạp, có đề xuất sáng tạo để giải quyết vấn đề hiệu quả hơn; Có kỹ năng phân tích vấn đề chi tiết, đánh giá và so sánh kết quả; Có đề xuất chi tiết để cải tiến
Mục tiêu về tổ chức, trình bày	Thông tin không được sắp xếp có cấu trúc. Người đọc khó theo dõi	Thông tin được sắp xếp có cấu trúc. Người đọc có thể theo dõi và	Thông tin được sắp xếp có cấu trúc hợp lý. Người đọc hiểu	Thông tin được sắp xếp có cấu trúc và có sự sáng tạo. Người đọc

Mục tiêu đánh giá	Mức độ đạt			
	Cần cải thiện (1)	Đáp ứng cơ bản (2)	Đạt chuẩn yêu cầu (3)	Vượt trên chuẩn (4)
(mục tiêu kỹ năng)	và hiểu những nội dung chính của báo cáo. Cách trình bày rời rạc, cách giải thích không thuyết phục được người nghe	hiểu những nội dung chính của báo cáo ở mức độ tối thiểu. Phần trình bày có cấu trúc cơ bản, cách giải thích thuyết phục được người nghe ở mức tối thiểu	tất cả những nội dung chính của báo cáo. Phần trình bày có cấu trúc hợp lý, cách giải thích thuyết phục được người nghe	hiểu rõ những nội dung chính của báo cáo và có khả năng lặp lại các công việc được mô tả trong báo cáo một cách tương đối. Phần trình bày có cấu trúc hợp lý và sinh động giúp thuyết phục người nghe; Phần giải thích hầu hết giải đáp được các thắc mắc của người nghe.

c) Thang đánh giá tiểu luận, báo cáo

Mục tiêu đánh giá	Mức độ đạt			
	Cần cải thiện (1)	Đáp ứng cơ bản (2)	Đạt chuẩn yêu cầu (3)	Vượt trên chuẩn (4)
Cấu trúc	Bài viết ít logic, thiếu tính thống nhất. Còn nhiều lỗi.	Bài viết mạch lạc và nhìn chung được tổ chức hợp lý. Một vài điểm đặt không đúng chỗ và lệch so với chủ đề. Sự chuyển ý, chuyển đoạn không xuyên suốt toàn bài.	Bài viết mạch lạc và được tổ chức hợp lý, chuyên đoạn, chuyên ý chặt chẽ. Có tính thống nhất trong nội dung.	Bài viết có tính logic và hợp lý trong việc trình bày các quan điểm, có tính thống nhất nhất cao.
Nội dung	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng các ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ	Có thể hiện quan điểm và lập luận.	Nội dung thể hiện ý tưởng sáng tạo, các quan điểm được phát triển đầy đủ	Nội dung thể hiện những ý tưởng được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có

	và không độc đáo.	Có đưa ra một số ý tưởng sáng tạo.	với căn cứ vững chắc.	bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề bài viết
Phát triển ý tưởng	Quan điểm chủ đạo của bài không được phát triển chi tiết hóa đầy đủ. Các ý tưởng trong bài còn mơ hồ, thiếu luận cứ, thiếu tư duy phản biện.	Quan điểm chủ đạo của bài được phát triển chi tiết hóa ở mức giới hạn. Vài chỗ thể hiện tư duy phản biện.	Quan điểm chủ đạo của bài được phát triển tốt, các nội dung chi tiết đầy đủ và có ý nghĩa. Tư duy phản biện được đưa vào các luận điểm.	Quan điểm chủ đạo của bài được phát triển tốt, các nội dung chi tiết nhiều và có chất lượng. Thể hiện tư duy phản biện tốt.
Văn phạm, trình bày	Còn lỗi chính tả, dấu câu và lỗi văn phạm gây xao lãng, gây khó hiểu cho người đọc. Nhiều lỗi trình bày, đánh máy.	Nhìn chung bài viết đúng chính tả, sử dụng dấu câu và văn phạm đúng, người đọc vẫn hiểu được nội dung của bài. Còn có lỗi trình bày và đánh máy.	Bài viết có vài lỗi về chính tả, dấu câu, văn phạm nhưng người đọc vẫn hiểu được nội dung rõ ràng. Rất ít lỗi trình bày, đánh máy.	Không có lỗi chính tả nào gây xao lãng, không có lỗi dấu câu hay văn phạm; không có lỗi trình bày, đánh máy.
Văn phong	Chỉ dùng các cấu trúc câu đơn giản, vốn từ ít, thuật hùng biện, giọng văn kém.	Gần như đạt được mức độ sử dụng cấu trúc câu, vốn từ, thuật hùng biện, giọng văn của bậc Đại học.	Đạt tới văn phong của bậc Đại học; giọng văn thích hợp và thuật hùng biện được sử dụng để làm nổi bật nội dung; cấu trúc câu đa dạng và ấn tượng.	Thể hiện văn phong xuất sắc vượt khỏi bậc Đại học; thuật hùng biện và giọng văn trong bài ấn tượng; sử dụng và phối hợp các cấu trúc câu sáng tạo.

d) Thang đánh giá bài thuyết trình

Mục tiêu đánh giá	Mức độ đạt			
	Cần cải thiện (1)	Đáp ứng cơ bản (2)	Đạt chuẩn yêu cầu (3)	Vượt trên chuẩn (4)
Trình bày	Ít giao tiếp bằng mắt, chỉ nhìn và đọc tài liệu. Nói nhỏ, không nhấn nhá.	Có giao tiếp bằng mắt nhưng vẫn thường nhìn vào tài liệu.	Có giao tiếp bằng mắt, thỉnh thoảng nhìn tài liệu.	Gây sự chú ý của người nghe bằng cách dùng khả năng giao tiếp bằng mắt, ít khi nhìn tài liệu.

		Nói nhỏ, ít nhấn nhá.	Nói rõ ràng, có thay đổi, nhấn nhá.	Nói rõ ràng, nhấn nhá đúng lúc, nhấn mạnh ý chính
Nội dung và sự tổ chức bài báo cáo	Chưa nắm kiến thức và trả lời sơ sài câu hỏi về chủ đề. Chưa xác định rõ đối tượng và mục đích; Cung cấp hỗ trợ yếu hoặc; Cung cấp không đủ dữ liệu, bằng chứng cho các ý tưởng hoặc kết luận.	Chưa nắm rõ kiến thức và chỉ có thể trả lời những câu hỏi mức độ bình thường. Cố gắng xác định mục đích và chủ đề; Cung cấp các ví dụ yếu kém, sự kiện hoặc số liệu thống kê không hỗ trợ đầy; Dữ liệu hoặc bằng chứng cho việc kết luận rất mỏng.	Nắm kiến thức, trả lời được tất cả các câu hỏi mà không cần giải thích chi tiết. Có mục đích và chủ đề rõ ràng; Có dẫn chứng, ví dụ và số liệu thống kê hỗ trợ; Có một số dữ liệu hoặc bằng chứng ủng hộ kết luận.	Thể hiện đầy đủ kiến thức bằng cách trả lời rõ ràng, cụ thể tất cả các câu hỏi. Cung cấp mục đích và chủ đề rõ ràng; Có dẫn chứng, ví dụ và số liệu thống kê đầy đủ, thích hợp; Có đầy đủ dữ liệu, ý kiến, bằng chứng hỗ trợ kết luận.
Sự nhiệt tình trong trình bày và nhận thức, kiến thức của người	Quan tâm đến chủ đề được trình bày một cách hạn chế	Biểu lộ cảm xúc ít hoặc hỗn hợp về chủ đề được trình bày.	Cho thấy một số cảm xúc nhiệt tình về chủ đề.	Thể hiện sự nhiệt tình mạnh mẽ về chủ đề trong suốt bài

e) Bảng ánh xạ điểm số ứng với mức độ đạt

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Vượt trên chuẩn	8,5 - 10	A	4
	Đạt chuẩn yêu cầu	7,0 - 8,4	B	3
	Đáp ứng cơ bản	5,5 - 6,9	C	2
	Cần cải thiện	4,0 - 5,4	D	1
Không đạt	Kém	< 4,0	F	0

Chương Trình Đào Tạo

NARA INSTITUTE OF SCIENCE AND TECHNOLOGY (NAIST), JAPAN

Viện Khoa học và Công nghệ Nara (NAIST) là trường đại học quốc gia Nhật Bản nằm ở thành phố khoa học Kansai, tiếp giáp với các thành phố Nara, Osaka và Kyoto. Được thành lập năm 1991, NAIST bao gồm các trường thành viên trong ba lĩnh vực tích hợp: khoa học thông tin, khoa học sinh học, và khoa học vật liệu. Mục tiêu của Viện NAIST là tiến hành các nghiên cứu tiên tiến trong các lĩnh vực tiên phong và đào tạo sinh viên để trở thành những nhà lãnh đạo khoa học và công nghệ tương lai.

Website: <http://www.naist.jp>.



DONG-A UNIVERSITY, KOREA

Đại học Dong-A là trường đại học ở Busan, Hàn Quốc. Đây là một trong hai trường đại

THÔNG TIN ĐỐI TÁC

học có cả trường y và luật ở Busan - thành phố lớn thứ hai ở Hàn Quốc. Các chương trình đại học toàn diện của trường được cung cấp thông qua 12 khoa, bao gồm các lĩnh vực từ Giáo dục thể chất, Khoa học tự nhiên, và Kỹ thuật cho Khoa học Xã hội, Luật và Y khoa.

Website: <http://donga.ac.kr>



UNIVERSITY OF WASHINGTON, US

Đại học Washington (UW) là trường đại học nghiên cứu công ở Seattle, Washington, Hoa Kỳ. Trong bảng xếp hạng quốc tế, Đại học Washington đã được xếp hạng 15 trong số 500 trường đại học hàng đầu thế giới bởi tổ chức Academic Ranking of World Universities (ARWU) vào năm 2014. UW có 17 thành viên đại học, nhận được 6 giải Nobel và các giải thưởng danh dự khác.

Website: <http://www.washington.edu>



NICE SOPHIA ANTIPOLIS UNIVERSITY, FRANCE

Đại học Nice Sophia Antipolis là trường đại học nằm ở Nice, Pháp và các khu vực lân cận. Nó được thành lập vào năm 1965 và được tổ chức thành tám khoa, hai viện và một trường kỹ thuật.

Website: <http://unice.fr>



ARIZONA STATE UNIVERSITY

Đại học Bang Arizona (ASU) là trường đại học công lập lớn nhất theo số lượng tuyển sinh ở Hoa Kỳ. ASU được xếp loại là một trường đại học nghiên cứu có hoạt động nghiên cứu rất cao. ASU đứng thứ 88 trong số các trường đại học trên thế giới và đứng thứ 48 trong số tất cả các trường đại học ở Hoa Kỳ dựa trên kết quả nghiên cứu, đổi mới, phát triển, chi phí nghiên cứu, số bằng sáng chế được trao và đề xuất tài trợ nghiên cứu.

Website: <http://www.asu.edu/>



* Thông tin về các trường đối tác, vui lòng tham khảo tại: <http://ete.dut.udn.vn>

Chương Trình Đào Tạo

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

KẾ HOẠCH HỌC TẬP DỰ KIẾN

Mã HP	Tên học phần	Số TC			Điều kiện		
		Lý thuyết	Thí nghiệm / Đồ án	Thực tập	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Học phần song hành
HK 1		18	1				
2090131	Những NLCB của CN Mac-Lênin 1	2					
1080011	Hình hoạ	2					
4130241	Anh văn A	3				Đạt chuẩn A1 hoặc qua kỳ thi khảo sát chất lượng tiếng Anh đầu vào	
3190111	Giải tích 1	4					
3050011	Vật lý 1	3					
1020691	Tin học Đại cương	2					
1020701	Thực hành Tin học đại cương		1				Tin học Đại cương
	Pháp luật đại cương	2					
130011	Giáo dục thể chất 1						
HK 2		17	1				
2090141	Những NLCB của CN Mac-Lênin 2	3				Những NLCB của CN Mac-Lênin 1	
3190121	Giải tích 2	4				Giải tích 1	
3190131	Đại số	3				Giải tích 1	
3050641	Vật lý 2	3				Vật lý 1	
3050651	Thí nghiệm Vật lý		1				Vật lý 2
4130311	Anh văn B	4				Anh văn A	
130021	Giáo dục thể chất 2						
HK 3		16	2				
2090101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				Những NLCB của CN Mac-Lênin 2	

Mã HP	Tên học phần	Số TC			Điều kiện		
		Lý thuyết	Thí nghiệm / Đồ án	Thực tập	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Học phần song hành
1061162	Nhập môn ngành	1	1				
3190041	Xác suất thống kê	3				Giải tích 1, Giải tích 2	
1080401	Vẽ Kỹ thuật	2				Hình họa	
1040451	Kỹ thuật nhiệt	2				Vật lý 2	
1060013	Cấu kiện Điện tử	3				Vật lý 2, Giải tích 2	
1060033	Thí nghiệm Cấu kiện điện tử		1				Cấu kiện điện tử
1060023	Lý thuyết Mạch điện tử 1	3				Giải tích 2, Đại số	
130031	Giáo dục thể chất 3						
HK 4		16	1.5				
2090121	Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3				Những NLCB của CN Mac-Lênin 2	
3060303	Hoá học Đại cương	2					
1061170	Toán chuyên ngành	3				Giải tích 2	
1060043	Lý thuyết Mạch điện tử 2	3				Lý thuyết mạch điện tử 1	
1060113	Thí nghiệm Lý thuyết mạch điện tử		1				Lý thuyết mạch điện tử 2
1060742	Kỹ thuật Mạch điện tử 1	3				Cấu kiện điện tử	
1050931	Kỹ thuật điện	2				Đại số, Giải tích 2, Vật lý 2	
1050921	Thí nghiệm Kỹ thuật điện		0.5				Kỹ thuật điện
130041	Giáo dục thể chất 4						
HK 5		14	4				
1061220	Kỹ thuật lập trình	2				Tin học đại cương	
1060193	Thực hành Kỹ thuật lập trình		1				Kỹ thuật lập trình
1060063	Trường điện tử	3				Toán chuyên ngành, Vật lý 2	
1061180	Kỹ thuật số	3				Cấu kiện điện tử	
1060103	Thí nghiệm Kỹ thuật số		1				Kỹ thuật số
1060752	Kỹ thuật Mạch điện tử 2	3				Kỹ thuật Mạch điện tử 1	
1060972	Thí nghiệm Kỹ thuật mạch điện tử		1				Kỹ thuật Mạch điện tử 2
1061190	Tín hiệu & Hệ thống	3				Lý thuyết mạch điện tử 2	
1061200	Thí nghiệm Tín hiệu & Hệ thống		1				Tín hiệu & Hệ thống
130051	Giáo dục thể chất 5						
HK 6							

Mã HP	Tên học phần	Số TC			Điều kiện		
		Lý thuyết	Thí nghiệm / Đồ án	Thực tập	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Học phần song hành
Học phần chung cho cả 3 chuyên ngành		10					
1061210	Phương pháp tính	3				Giải tích 2, Đại số	
1061230	Tổ chức máy tính	3				Kỹ thuật số, kỹ thuật lập trình	
1061260	Thông tin số	2				Tín hiệu & Hệ thống	
4130330	Anh văn CN ĐTVT	2				Anh văn B	
Chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông		6	1				
1061330	Kỹ thuật Siêu cao tần	2				Trường điện từ	
1060793	Thí nghiệm Siêu cao tần		1				Kỹ thuật Siêu cao tần
1061240	Điện tử thông tin	2				Kỹ thuật Mạch điện tử 2	
1061250	Lý thuyết thông tin	2				Xác suất thống kê	
Chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử		4	2	2			
1060133	Kỹ thuật xung	2				Cấu kiện điện tử, Lý thuyết mạch điện tử 1	
1060283	Thí nghiệm Kỹ thuật xung		1				Kỹ thuật xung
1060852	Đồ án KT mạch điện tử			2		Kỹ thuật mạch điện tử 1	
1061280	Đo lường điện tử	2				Cấu kiện điện tử	
1061043	Thí nghiệm Đo lường điện tử		1				Đo lường điện tử
Chuyên ngành Kỹ thuật máy tính		5		2			
1060223	Cấu trúc dữ liệu	2				Kỹ thuật lập trình	
1060323	Xử lý tín hiệu số	3				Tín hiệu & Hệ thống	
1060852	Đồ án KT mạch điện tử			2		Kỹ thuật mạch điện tử 1	
HK 7							
Học phần chung cho cả 3 chuyên ngành		2					
1170011	Môi trường	2					
Chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông		10	4.5	2			
1061320	Kỹ thuật Truyền hình	2				Điện tử thông tin	
1061340	Thí nghiệm Hệ thống thông tin		1			Thông tin số	
1060763	Thông tin di động	2				Thông tin số	
1060333	Truyền sóng	2				Siêu cao tần	Kỹ thuật anten

Mã HP	Tên học phần	Số TC			Điều kiện		
		Lý thuyết	Thí nghiệm / Đồ án	Thực tập	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Học phần song hành
1060543	Kỹ thuật anten	2				Trường điện tử, Toán chuyên ngành	
1061270	Thí nghiệm KT anten		1				Kỹ thuật Anten
1060353	Mạng thông tin máy tính	2				Tổ chức máy tính	
1060983	Đồ án Điện tử thông tin			2		Điện tử thông tin	
1061290	Thực tập công nhân VT		2.5			Điện tử thông tin	
Chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử		10	5.5				
1060473	Công nghệ vi điện tử	2				Kỹ thuật số, Kỹ thuật mạch điện tử 1	
1061300	Thực tập công nhân ĐT		2.5			Kỹ thuật số, Kỹ thuật mạch điện tử 2	
1061240	Điện tử thông tin	2				Kỹ thuật số, Kỹ thuật mạch điện tử 2	
1060822	Điện tử ứng dụng	2				Kỹ thuật xung, Kỹ thuật số	
1061503	Thí nghiệm Điện tử ứng dụng		1				Điện tử ứng dụng
1060832	Kỹ thuật Vi điều khiển	2				Kỹ thuật số, Kỹ thuật lập trình	
1060383	Thí nghiệm Vi điều khiển		1				Kỹ thuật Vi điều khiển
1060503	Điều khiển logic	2				Kỹ thuật số	
1061053	Thí nghiệm Điều khiển logic		1				Điều khiển logic
Chuyên ngành Kỹ thuật máy tính		11	5.5				
1061463	Thí nghiệm KT vi xử lý		1				Kỹ thuật vi xử lý
1061310	Thực tập công nhân MT		2.5			Kỹ thuật mạch điện tử 1	
1060162	Kỹ thuật Vi xử lý	3				Tổ chức máy tính	
1060353	Mạng thông tin máy tính	2				Tổ chức máy tính	
1060653	Kỹ thuật Đa phương tiện	2				Xử lý tín hiệu số	Thiết kế bộ lọc số
1060403	Truyền số liệu	2				Tín hiệu & Hệ thống	
1061350	Thiết kế bộ lọc số	2				Xử lý tín hiệu số	
1061360	Thí nghiệm Thiết kế bộ lọc số		1				Thiết kế bộ lọc số
1061380	Thí nghiệm Mạng thông tin máy tính		1				Mạng thông tin máy tính

Mã HP	Tên học phần	Số TC			Điều kiện		
		Lý thuyết	Thí nghiệm / Đồ án	Thực tập	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Học phần song hành
HK 8		12	2	2			
Học phần chung cho cả 3 chuyên ngành		2					
1180332	Kinh tế quản lý	2					
Chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông		10	2	2			
1061420	Đồ án chuyên ngành Viễn thông			2		Tất cả các học phần về lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập của các học kỳ trước	
1061390	Thực tập Tốt nghiệp (VT)		2			Tất cả các học phần về lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập của các học kỳ trước	
Lựa chọn 10 TC trong số các học phần dưới đây cho chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông							
1060803	Chuyên đề (KTVT)	2				Thông tin số	
1060553	Thông tin sợi quang	2				Điện tử thông tin, Thông tin số	
1060563	Kỹ thuật chuyên mạch	2				Thông tin số	
1060473	Công nghệ vi điện tử	2				Kỹ thuật số	
1061580	Mạng viễn thông	2				Thông tin di động	
1061590	Xử lý tín hiệu ngẫu nhiên	2				Tín hiệu và hệ thống	
1060573	Thông tin vi ba-vệ tinh	2				Truyền song, Điện tử thông tin, Kỹ thuật anten	
1061600	Thiết kế hệ thống siêu cao tần	2				Kỹ thuật siêu cao tần, Kỹ thuật anten	
1061610	Thiết kế vi mạch tương tự	2				Kỹ thuật mạch điện tử 1	
1061620	Mạng cảm biến vô tuyến	2				Thông tin số	
1061630	Thiết kế vi mạch số	2				Kỹ thuật số	
Chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử		10	2	2			
1061430	Đồ án chuyên ngành Điện tử			2		Điện tử ứng dụng, Kỹ thuật Vi điều khiển	
1061400	Thực tập Tốt nghiệp (DT)		2		Thực hiện ở học kỳ 8		
Lựa chọn 10 TC trong số các học phần dưới đây cho chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử							

Mã HP	Tên học phần	Số TC			Điều kiện		
		Lý thuyết	Thí nghiệm / Đồ án	Thực tập	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Học phần song hành
1060513	Chuyên đề (KTĐT)	2				Thực hiện ở học kỳ 8	
1060493	Điện tử y sinh	2				Kỹ thuật số	
1061630	Thiết kế vi mạch số	2				Công nghệ vi điện tử, Kỹ thuật số	
1061640	Thiết kế hệ thống nhúng	2				Tổ chức máy tính, Kỹ thuật lập trình	
1060553	Thông tin sợi quang	2				Điện tử thông tin, Thông tin số	
1061610	Thiết kế vi mạch tương tự	2				Công nghệ vi điện tử, Kỹ thuật mạch điện tử 1	
1060783	Kỹ thuật Siêu âm	2				Kỹ thuật xung, Kỹ thuật số	
1061650	Cảm biến sinh học	2				Kỹ thuật mạch điện tử 1	
1060763	Thông tin di động	2				Thông tin số	
1061660	Kỹ thuật Robot	2				Kỹ thuật số	
1061670	Kỹ thuật điều khiển	2				Kỹ thuật mạch 1	
1061680	Cảm biến và đo lường	2				Đo lường điện tử	
1061370	Xử lý ảnh	2				Tín hiệu & Hệ thống	
1060583	Kỹ thuật Điện thoại	2				Tổ chức máy tính, Kỹ thuật số, Kỹ thuật lập trình	
1061450	Kiến trúc và thiết kế máy tính	2				Tổ chức máy tính	
1060353	Mạng thông tin máy tính	2				Tổ chức máy tính	
Chuyên ngành Kỹ thuật Máy tính		10	2	2			
1061410	Thực tập Tốt nghiệp (MT)			2		Thực hiện ở học kỳ 8	
1061440	Đồ án chuyên ngành MT (Đồ án Vi xử lý và Máy tính)		2			Kỹ thuật Vi xử lý	
Lựa chọn 10 TC trong số các học phần dưới đây cho chuyên ngành Kỹ thuật Máy tính							
1060763	Thông tin di động	2				Thông tin số	
1060473	Công nghệ vi điện tử	2				Kỹ thuật số	
1061640	Thiết kế hệ thống nhúng	2				Kỹ thuật vi xử lý, Kỹ thuật vi điều khiển	
1061620	Mạng cảm biến vô tuyến	2				Thông tin số	

Mã HP	Tên học phần	Số TC			Điều kiện		
		Lý thuyết	Thí nghiệm / Đồ án	Thực tập	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Học phần song hành
1060663	Chuyên đề (KTMT)	2				Kỹ thuật lập trình	
1060553	Thông tin sợi quang	2				Điện tử thông tin, Thông tin số	
1060493	Điện tử y sinh	2				Kỹ thuật số	
1060613	Hệ điều hành	2				Tổ chức máy tính	
1061450	Kiến trúc và thiết kế máy tính	2				Tổ chức máy tính	
1061370	Xử lý ảnh	2				Tín hiệu & Hệ thống	
1061680	Cảm biến và đo lường	2				Đo lường điện tử	
1061690	Xử lý tiếng nói	2				Xử lý tín hiệu số	
1060633	Công nghệ phần mềm	2				Tổ chức máy tính	
1061700	Chương trình dịch	2				Kỹ thuật lập trình	
1061660	Kỹ thuật Robot	2				Kỹ thuật số	
1061710	Kỹ thuật nhận dạng (mẫu)	2				Xử lý tín hiệu số	
1061590	Xử lý tín hiệu ngẫu nhiên	2				Tín hiệu và hệ thống	
1061720	Phân tích phổ	2				Thông tin số	
HK 9				10			
1061153	Đồ án tốt nghiệp (KTVT)			10	Tất cả các học phần về lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập của các học kỳ trước		
1061143	Đồ án tốt nghiệp (KTĐT)			10	Tất cả các học phần về lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập của các học kỳ trước		
1061133	Đồ án tốt nghiệp (KTMT)			10	Tất cả các học phần về lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập của các học kỳ trước		

QUY CHẾ QUY ĐỊNH

HIỆN TÀI
LÀ NGUYÊN KHÍ
CỦA QUỐC GIA

Thôn Nhân Trung,
(1949)







QUY CHẾ ĐÀO TẠO

(trích lược)





QUY CHẾ CÔNG TÁC SINH VIÊN (trích lược)

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA SINH VIÊN

Quyền của sinh viên

1. Được nhận vào học đúng ngành, nghề đã đăng ký dự tuyển nếu đủ các Điều kiện trúng tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục đại học.

2. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện theo quy định của cơ sở giáo dục đại học; được phổ biến nội quy, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.

3. Được tạo Điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện, bao gồm:

a) Sử dụng hệ thống thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;

b) Tham gia nghiên cứu khoa học, thi sinh viên giỏi, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật;

c) Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; học chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành;

e) Tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và

ngoài trường học theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với Mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục đại học;

f) Sử dụng các dịch vụ công tác xã hội hiện có của cơ sở giáo dục đại học (bao gồm các dịch vụ về hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn sức khỏe, tâm lý, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt,...)

g) Nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học, học theo tiến độ chậm, tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình, chuyển trường theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ hè, nghỉ tết, nghỉ lễ theo quy định.

4. Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Nhà nước.

5. Được góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị các giải pháp góp phần xây dựng và phát triển cơ sở giáo dục đại học; đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.

6. Được xét tiếp nhận vào ký túc xá và ưu tiên khi sắp xếp vào ở ký túc xá theo quy định.

7. Sinh viên đủ Điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, bằng Điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

Nghĩa vụ của sinh viên

1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ trường đại học và các quy chế, nội quy của cơ sở giáo dục đại học.

2. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục đại học; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

3. Tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.

4. Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của cơ sở giáo dục đại học.

5. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.

6. Đóng học phí, bảo hiểm y tế đầy đủ, đúng thời hạn.

7. Tham gia lao động công ích, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe theo yêu cầu của cơ sở giáo dục đại học.

8. Chấp hành nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự Điều động của Nhà nước khi được hưởng học bổng, chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với Nhà nước, nếu không chấp hành phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ.

9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với khoa, phòng chức năng, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, nhà giáo trong cơ sở giáo dục đại học.

10. Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong trường học, gia đình và cộng đồng.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của cơ sở giáo dục đại học.

Các hành vi sinh viên không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục đại học và người khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử như: quay cóp, mang tài liệu vào phòng thi, xin Điểm; học, thi, thực tập, trực hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập, trực hộ; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong trường học; say rượu, bia khi đến lớp học.

4. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiếu kiện trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong cơ sở giáo dục đại học hoặc ngoài xã hội.

5. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cổ vũ đua xe trái phép.

6. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

7. Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma túy, các loại dược phẩm, hóa chất cấm sử dụng; các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong cơ sở giáo dục đại học và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

8. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa cơ sở giáo dục đại học khi chưa được Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học cho phép.

9. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật khác.

QUY ĐỊNH VỀ TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN – SINH VIÊN

Công tác “tuần sinh hoạt công dân – sinh viên”

1. Mục đích việc tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân- sinh viên” nhằm:

a. Nâng cao nhận thức của sinh viên về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giúp cho sinh viên nắm được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước, khu vực và quốc tế.

b. Giúp sinh viên hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ, ý thức trách nhiệm của công dân – sinh viên thông qua việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy chế, quy định về đào tạo, về công tác sinh viên của Trường; phương hướng nhiệm vụ của người học nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

c. Việc tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên” đầu năm, đầu khóa, cuối khóa năm học phải được tiến hành nghiêm túc, đạt hiệu quả giáo dục cao; có thảo

luận, đối thoại, viết thu hoạch và đánh giá kết quả cuối đợt học tập.

2. Nội dung của “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên”.

a. Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và ĐHĐN.

b. Tùy vào mỗi năm học, Trường sẽ lựa chọn nội dung phù hợp để đưa vào tuần sinh hoạt công dân – sinh viên.

3. Phân loại “Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên”.

a. Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu khóa cho sinh viên năm nhất.

b. Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm cho sinh viên từ năm hai đến năm tư.

c. Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên cuối khóa cho sinh viên năm cuối.

4. Đây là chương trình mang tính bắt buộc, sinh viên không tham gia sẽ xử lý theo quy định.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Công tác rèn luyện sinh viên

1. Mục đích việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm:

a. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, trí thức, sức

khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

b. Đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể, phù hợp, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện.

2. Yêu cầu:

a. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên của trường.

b. Quá trình đánh giá kết quả phải đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

3. Nội dung đánh giá: Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a. Ý thức tham gia học tập;

b. Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định của nhà trường;

c. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

d. Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;

e. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

Thang điểm đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

Các nội dung rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100 và không vượt quá 100 điểm

STT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KHUNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
1	Đánh giá về ý thức tham gia học tập	Từ 0 đến 20 điểm
2	Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong cơ sở giáo dục đại học	Từ 0 đến 25 điểm
3	Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	Từ 0 đến 20 điểm

4	Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	Từ 0 đến 25 điểm
5	Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong CSGDĐHTV hoặc sinh viên đạt được thành tích trong học tập, rèn luyện	Từ 0 đến 10 điểm

Phân loại kết quả rèn luyện sinh viên:

1. Kết quả rèn luyện sinh viên được phân loại như sau:

PHÂN LOẠI	ĐIỂM RÈN LUYỆN
Xuất sắc	Từ 90 đến 100 điểm:
Tốt	Từ 80 đến dưới 90 điểm
Khá	Từ 65 đến dưới 80 điểm
Trung bình	Từ 50 đến dưới 65 điểm
Yếu	Từ 35 đến dưới 50 điểm
Kém	Dưới 35 điểm

2. Những sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do nhà trường quy định.

2. Tổ chức họp lớp có giảng viên chủ nhiệm/cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng người học trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

3. Kết quả rèn luyện của từng sinh viên được trưởng khoa/phụ trách chương trình xem xét, xác nhận, thông báo cho sinh viên biết và gửi kết quả cho phòng Công tác sinh viên.

Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

5. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật và các ưu tiên khác theo quy định của nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của nhà trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên khi ra trường.

3. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

4. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền nộp đơn khiếu nại cho phòng Công tác sinh viên nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

Thời gian nộp đơn khiếu nại theo quy định từng thời điểm xét điểm rèn luyện.

CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT SINH VIÊN

Nội dung, hình thức khen thưởng

1. Thi đua, khen thưởng thường xuyên đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên có thành tích cần biểu dương, khuyến khích kịp thời. Cụ thể:

a) Đạt giải trong các cuộc thi sinh viên giỏi, Olympic các môn học, có công trình nghiên cứu khoa học có giá trị;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, khoa, trong ký túc xá, trong hoạt động xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao;

c) Có thành tích trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

Nội dung, mức khen thưởng thường xuyên do Hiệu trưởng quy định.

2. Thi đua, khen thưởng toàn diện định kỳ đối với cá nhân và tập thể lớp sinh viên được tiến hành vào cuối mỗi một học kỳ hoặc năm học. Cụ thể:

a) Đối với cá nhân sinh viên:

- Danh hiệu cá nhân gồm 3 loại: Khá, Giỏi, Xuất sắc.

- Tiêu chuẩn xếp loại danh hiệu cá nhân như sau:

+ Đạt danh hiệu sinh viên Khá, nếu xếp loại học tập và rèn luyện từ Khá trở lên;

+ Đạt danh hiệu sinh viên Giỏi nếu xếp loại học tập từ Giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện từ Tốt trở lên;

+ Đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc nếu xếp loại học tập và rèn luyện Xuất sắc.

- Danh hiệu cá nhân của sinh viên được ghi vào hồ sơ sinh viên.

- Không xét khen thưởng đối với sinh viên bị kỷ luật hoặc có điểm thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất trong học kỳ hoặc năm học đó dưới mức trung bình.

b) Đối với tập thể lớp sinh viên:

- Danh hiệu tập thể lớp sinh viên gồm 2 loại: Lớp sinh viên Tiên tiến và Lớp sinh viên Xuất sắc.

- Đạt danh hiệu Lớp sinh viên Tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Có từ 25% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Khá trở lên;

+ Có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên;

+ Không có cá nhân xếp loại học tập kém hoặc rèn luyện kém, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

+ Tập thể đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, tổ chức nhiều hoạt động thi đua và tích cực hưởng ứng phong trào thi đua trong nhà trường.

- Đạt danh hiệu Lớp sinh viên Xuất sắc nếu đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu lớp sinh viên Tiên tiến và có từ 10% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên, có cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc.

Các hình thức kỷ luật sinh viên

1. Những sinh viên có hành vi vi phạm nội quy học đường, quy chế học tập, rèn luyện thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: áp dụng đối với sinh viên có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: áp dụng đối với sinh viên đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: áp dụng đối với những sinh viên đang trong thời

gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi sinh viên không được làm; sinh viên vi phạm pháp luật bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Tùy từng trường hợp cụ thể, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào quy chế đào tạo để quyết định thời hạn đình chỉ học tập theo các mức: đình chỉ một năm học hoặc đình chỉ theo thời gian sinh viên bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

d) Buộc thôi học: áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến nhà trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù.

2. Hình thức kỷ luật của sinh viên từ cảnh cáo trở lên phải được lưu vào hồ sơ sinh viên. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn và buộc thôi học, nhà trường cần gửi thông báo cho địa phương và gia đình sinh viên biết để phối hợp quản lý, giáo dục.

Các quy định về hoạt động tình nguyện của sinh viên

1. Sinh viên trong suốt thời gian học tập tại trường có trách nhiệm tích cực tham gia các hoạt động công tác xã hội ngoại khóa, lao động công ích tình nguyện vì cộng đồng tại trường hoặc địa phương (có xác nhận của đơn vị tổ chức về nội dung và số ngày tình nguyện).

2. Tổ chức Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên có trách nhiệm:

- Tổ chức, hướng dẫn sinh viên tham gia hoạt động tình nguyện tại trường, tại địa phương.

- Phối hợp Ban cán sự lớp tiến hành công tác kiểm tra và xác nhận sinh viên đã tham gia hoạt động tình nguyện để Trường đánh giá hoạt động rèn luyện sinh viên.

CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN SINH VIÊN

Quy chế đào tạo

Phòng Đào tạo:

<http://daotao.dut.udn.vn/dtChinhQuy/QuyCheQuyDinh>

Quy chế công tác sinh viên
Quy định về bảo hiểm y tế

Phòng Công tác Sinh viên :

<http://ctsv.dut.udn.vn:8081/>

Quy trình đóng học phí

Phòng Đào tạo:

<http://daotao.dut.udn.vn/>

Quy trình công bố và phúc khảo điểm thi hết môn

Phòng Khảo thí - Đảm bảo CLGD:

<http://qat.dut.udn.vn/>

Quy định đánh giá lớp học phần và đánh giá khóa học

Phòng Đào tạo:

<http://daotao.dut.udn.vn/CA/>

Quy trình xét học bổng ngoài ngân sách

Phòng Công tác Sinh viên :

<http://ctsv.dut.udn.vn:8081/>

Quy trình tiếp sinh viên

Phòng Đào tạo:

<http://daotao.dut.udn.vn/CA/>





CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG





THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

- Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

Phòng Công tác Sinh viên trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng thông báo đến sinh viên thông tin chính sách như sau:

ĐỐI TƯỢNG VÀ HỒ SƠ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

ĐỐI TƯỢNG MIỄN HỌC PHÍ	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP THEO ĐỐI TƯỢNG
Đối tượng 1.1: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	- Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH. - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng 1.1
Đối tượng 1.2: Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/1/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/1/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Con của Liệt sỹ; Con của Thương binh; Con của người hưởng chính sách như thương binh; Con bệnh binh; Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. (Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số/VBHN-VPQH ngày 30/7/2012)	- Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH. - Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng 1.2

<p>Đối tượng 2: Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH; - Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng 2; - Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã cấp hoặc xác nhận.
<p>Đối tượng 3: Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất. (Nghị định 86/2015/NĐ-CP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH; - Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng 3.
<p>Đối tượng 4: Sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH;
<p>Đối tượng 5: Sinh viên là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH; - Giấy khai sinh (photo công chứng) - Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc xác nhận.
<p>Đối tượng 6: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người như La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lò Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si la, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ơ Đu: ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH; - Giấy khai sinh (photo công chứng) - Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú

ĐỐI TƯỢNG GIẢM HỌC PHÍ	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP THEO ĐỐI TƯỢNG
<p>Đối tượng 1: được giảm 70% học phí.</p> <p>Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số ít người theo đối tượng 6) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại phụ lục I thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn theo phụ lục IV thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH; - Giấy khai sinh (photo công chứng) - Sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú (photo công chứng)
<p>Đối tượng 2: được giảm 50% học phí</p> <p>Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đơn theo phụ lục IV (thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBH); - Sổ hưởng trợ cấp hằng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng 2 (photo công chứng).

QUY ĐỊNH VỀ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

- Việc, miễn, giảm học phí cho sinh viên được thực hiện tại trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc đối tượng miễn giảm học phí.

- Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học cải thiện, học bổ sung thì sẽ không được cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

- Sinh viên thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào đầu mỗi học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

- Các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Thông tư liên tịch 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTĐBXH mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì chỉ hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

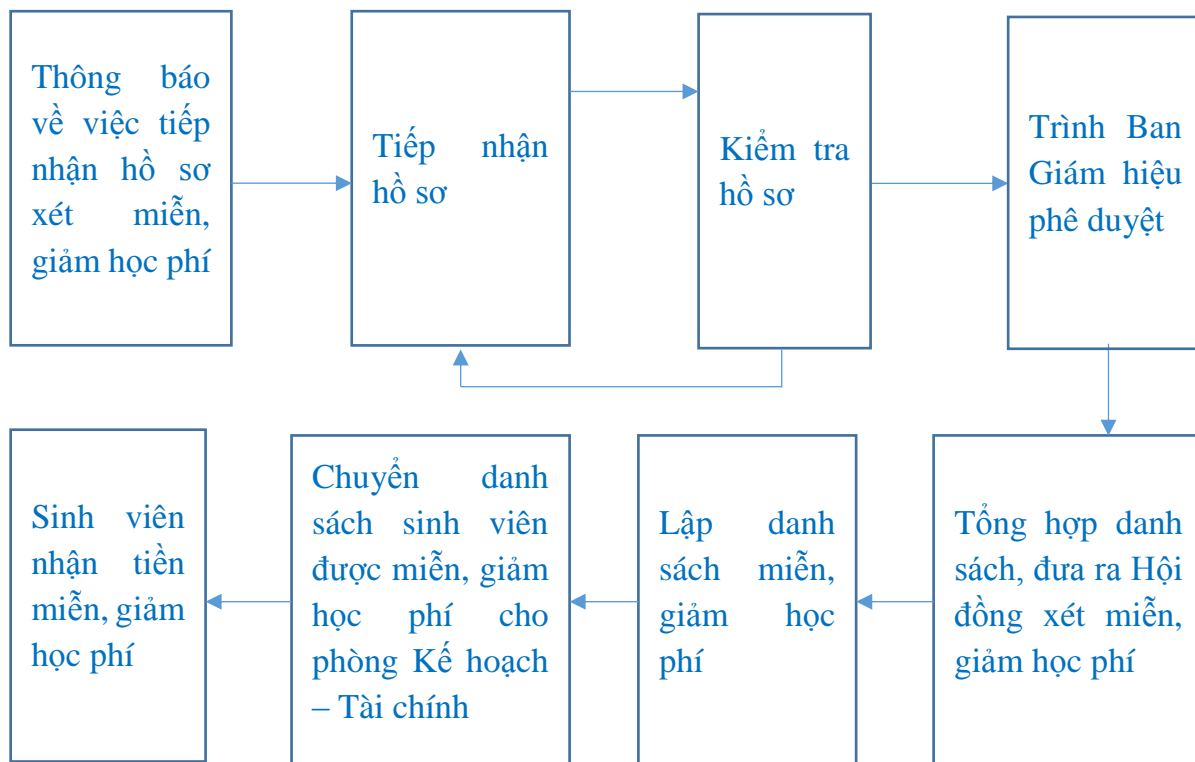
- Sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí nếu đồng thời học ở nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một trường thì được hưởng một chế độ ưu đãi.

- Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với sinh viên trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học khác cùng cấp học và trình độ đào tạo.

- Chỉ áp dụng chế độ miễn giảm học phí đối với các môn học lần một theo chương trình học, không áp dụng cho các môn học

lại, học cải thiện... cũng như áp dụng đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng đối với học kỳ hè và học kỳ dự thính (nếu có).

QUY TRÌNH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ





THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI

THÔNG TƯ, NGHỊ ĐỊNH LIÊN QUAN

- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH
- Các mẫu đơn: T
 - + Mẫu 01: Tờ khai trợ cấp xã hội.
 - + Mẫu 02: Giấy xác nhận sinh viên thuộc hộ nghèo. (ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH) (Link đính kèm)
 - + Mẫu 03: Đơn xin xác nhận là người dân tộc ít người ở vùng cao có hộ khẩu thường trú 03 năm trở lên.
 - + Mẫu 04: Đơn xin xác nhận mồ côi cha mẹ

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là sinh viên đang học tại các trường đào tạo công lập hệ chính quy tập trung – dài hạn trong nước thuộc các diện sau đây:

1. Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao. Căn cứ để xác định người dân tộc ít người là giấy khai sinh bản gốc, hoặc giấy kết hôn của bố mẹ (nếu giấy khai sinh bản gốc bị thất lạc), trong khi có ghi bố hoặc mẹ là người dân tộc ít người. Người dân tộc ít người ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường đào tạo).

2. Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa. Đây là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên (sinh viên phải xuất trình giấy xác nhận của cơ quan thương binh xã hội cấp huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú).

3. Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó

khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định (hồ sơ, thủ tục giám định y khoa áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 34/TT-LB ngày 29/12/1993 của liên Bộ Lao động- Thương binh và xã hội – Bộ Y tế). Sinh viên thuộc diện này phải xuất trình biên bản giám định y khoa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

4. Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo phải xuất trình giấy chứng nhận là sinh viên thuộc hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo mẫu giấy chứng nhận ban hành kèm theo Thông tư 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009. (Đính kèm theo thông báo)

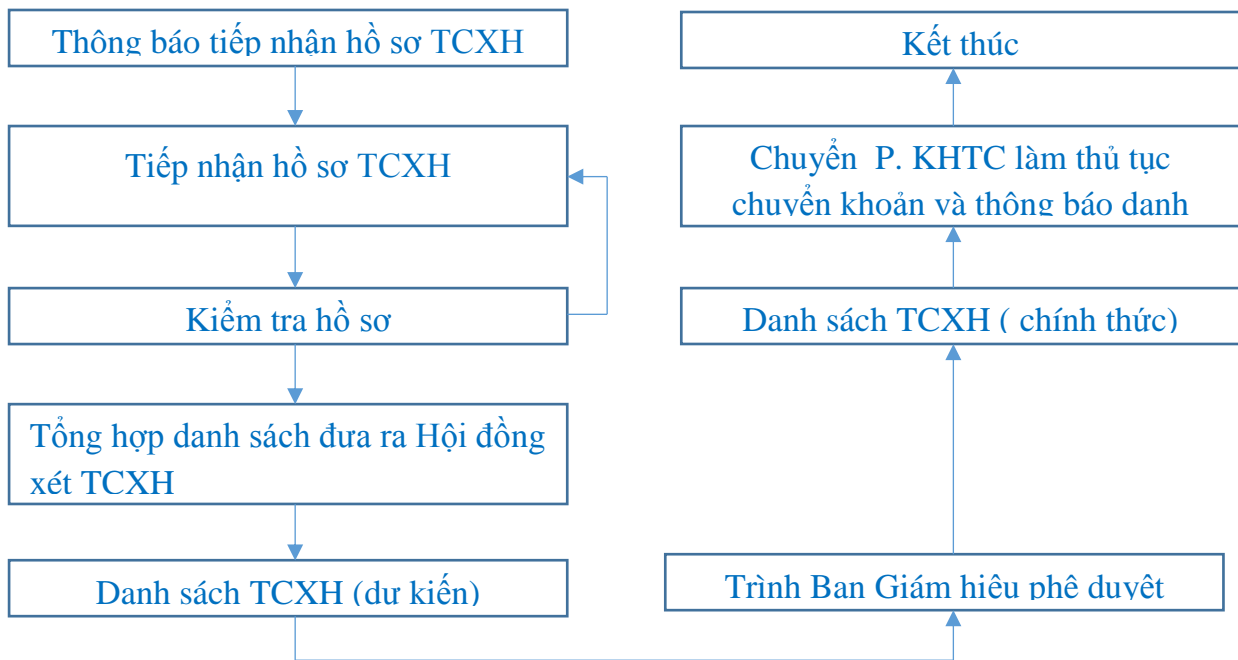
Mức hưởng trợ cấp xã hội:

- Đối tượng 1: hưởng mức trợ cấp xã hội là 140.000 đồng/tháng
- Các đối tượng 2,3,4 hưởng mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng

HỒ SƠ TRỢ CẤP XÃ HỘI

ĐỐI TƯỢNG TCXH	DANH MỤC HỒ SƠ CẦN NỘP THEO ĐỐI TƯỢNG
Đối tượng 1: Sinh viên là dân tộc ít người ở vùng cao	<ul style="list-style-type: none">- Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu 01/TCXH)- Đơn xác nhận của chính quyền địa phương, sinh viên có cha hoặc mẹ là người dân tộc ít người ở vùng cao có hộ khẩu thường trú tại địa phương từ 03 năm trở lên. (tham khảo mẫu: 03/TCXH)- Hộ khẩu (bản sao có công chứng):- Giấy khai sinh (bản sao có công chứng)
Đối tượng 2: Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa	<ul style="list-style-type: none">- Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu 01/TCXH)- Giấy khai sinh (bản sao có công chứng)- Giấy chứng tử của cha và mẹ (bản sao có công chứng)- Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của chính quyền địa phương. (Trường hợp sinh viên không có giấy chứng tử của cha và mẹ) (Tham khảo mẫu: 04/TCXH)
Đối tượng 3: sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định	<ul style="list-style-type: none">- Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu 01/TCXH)- Biên bản giám định y khoa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.
Đối tượng 4: Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình họ thuộc diện hộ nghèo	<ul style="list-style-type: none">- Đơn xin nhận trợ cấp xã hội (theo mẫu 01/TCXH)- Giấy chứng nhận là học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo so Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo mẫu 01/TCXH chứng nhận ban hành kèm theo Thông tư 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009. (Sinh viên thuộc đối tượng này phải làm lại hồ sơ xét TCXH mỗi năm)- Sổ hộ nghèo (bản photo công chứng)

QUY TRÌNH THỰC HIỆN





THỦ TỤC XÁC NHẬN ƯU ĐÃI GIÁO DỤC

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG:

Thông tư 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 09 năm 2015

1. Chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo được áp dụng đối với học sinh, sinh viên là:

Người có công với cách mạng và con của họ quy định tại Điều 1 của Thông tư này (sau đây gọi chung là sinh viên) theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khóa học từ 01 năm trở lên hoặc cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (gọi chung là các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học);

2. Sinh viên thuộc nhiều diện được hưởng chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo thì chỉ hưởng một chế độ ưu đãi mức cao nhất.

3. Sinh viên cùng một lúc học ở nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học hoặc nhiều khoa, nhiều ngành trong cùng một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi mức cao nhất tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học.

4. Không áp dụng chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với học sinh, sinh viên quy định tại Khoản 1 Điều này thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi đi học;

b) Đã hưởng chế độ ưu đãi tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học;

c) Người có công quy định tại Điều 1 của Thông tư này bị đình chỉ chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

5. Các chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo theo quy định tại Thông tư này không thay thế chế độ học bổng chính sách, chế độ học

bổng khuyến khích học tập và rèn luyện theo quy định hiện hành.

CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

1. Chế độ trợ cấp ưu đãi hàng năm.

2. Chế độ trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

Các mức trợ cấp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số [20/2015/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp đối với người có công với cách mạng.

HỒ SƠ HƯỞNG CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

1. Tờ khai đề nghị giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo (Mẫu số 01-UĐGD).

2. Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục phổ thông hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học (Mẫu số 02-UĐGD).

3. Quyết định thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo (Mẫu số 03-UĐGD).

QUY TRÌNH

Sinh viên có nhu cầu xác nhận Mẫu số 02-UĐGD; nộp biểu mẫu về Phòng Công tác Sinh viên – trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng.

Thời gian tiếp nhận: các ngày trong tuần.

Thời gian trả sổ: thứ 6 hàng tuần.

Lưu ý:

- Sinh viên vào website Phòng Công tác sinh viên vào mục biểu mẫu tải Giấy xác nhận của cơ sở giáo dục phổ thông hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học (Mẫu số 02-UĐGD). Điền thông tin rồi nộp.

- Trong trường hợp sinh viên không trực tiếp lấy sổ được thì người nhận thay phải xuất trình Thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân của chủ sổ và ký thay vào mục ký nhận trong Sổ ký nhận.



HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

I. TIÊU CHUẨN VÀ MỨC XÉT

Sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ xét học bổng thì được xét, cấp học bổng khuyến khích học tập trong phạm vi quỹ học bổng khuyến khích học tập của trường theo các mức sau:

a. Mức học bổng loại khá: Có điểm trung bình chung học tập đạt loại khá trở lên và điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên.

b. Mức học bổng loại giỏi: Có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại tốt trở lên. Mức học bổng cao hơn loại khá và do Hiệu trưởng quy định.

c. Mức học bổng loại xuất sắc: Có điểm trung bình chung học tập đạt loại xuất sắc và điểm rèn luyện đạt loại xuất sắc. Mức học bổng cao hơn loại giỏi và do Hiệu trưởng quy định.

Điểm trung bình chung học tập được xác định theo quy định hiện hành của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy, Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (chỉ được lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất, trong đó không có điểm thi dưới 5,0 hoặc kiểm tra hết môn học không đạt). Kết quả rèn luyện được xác định theo quy định của Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

a. Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong năm học.

II. QUY TRÌNH XÉT HỌC BỔNG:

Bước 1: Cập nhập kết quả học tập sinh viên

Phòng Công tác sinh viên sử dụng dữ liệu điểm của Phòng Đào tạo và kết hợp với dữ liệu điểm rèn luyện để lọc ra danh sách sinh viên đủ tiêu chuẩn xét học bổng khuyến khích học tập (các môn thi không có điểm dưới 5,0 và điểm trung bình học tập trên 7,0).

Bước 2: Phòng Công tác sinh viên công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện xét học bổng trên website trường để sinh viên kiểm tra phản hồi.

Bước 3: Thực hiện xét học bổng theo điều kiện

Điều kiện chung: Học bổng xuất sắc -> HB Giỏi -> HB Khá

a. Mức học bổng loại khá (Xếp loại Khá): Có điểm trung bình chung học tập đạt loại khá trở lên và điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên.

b. Mức học bổng loại giỏi (Xếp loại Giỏi): Có điểm trung bình chung học tập đạt loại giỏi trở lên và điểm rèn luyện đạt loại giỏi trở lên.

c. . Mức học bổng loại xuất sắc (Xếp loại Xuất sắc): Có điểm trung bình chung học tập đạt loại xuất sắc và điểm rèn luyện đạt loại xuất sắc.

Điểm trung bình chung học tập được xác định theo quy định hiện hành của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ (chỉ được lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất, trong đó không có điểm thi dưới 5,0).

- Học bổng được xét từ trên xuống dưới theo trình tự ưu tiên sau:

(a) Xếp loại học bổng (Xuất sắc -> Giỏi -> Khá)

(b) Điểm trung bình học kỳ

(c) Điểm rèn luyện

(d) Điểm tích lũy học tập

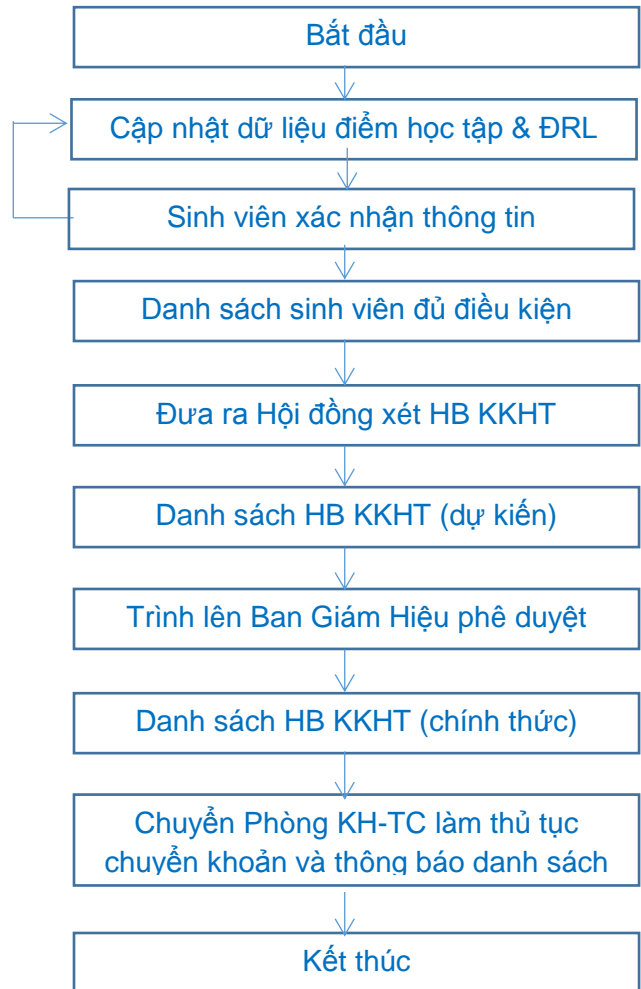
(e) Tổng số tín chỉ tích lũy/kỳ.

- Học bổng xét từ trên xuống dưới cho đến hết quỹ học bổng dành cho học kỳ đó.

- Trong cùng khóa và ngành học, đảm bảo điểm thấp nhất của các lớp được nhận học bổng tương đối bằng nhau, không quá chênh lệch.

Bước 4: Trình danh sách sinh viên được xét học bổng khuyến khích học tập lên Hội đồng xét học bổng để ra quyết định cấp học bổng KKHT.

Bước 5: Quyết định được chuyển đến Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện việc cấp học bổng cho sinh viên.





HOẠT ĐỘNG TRAO ĐỔI SINH VIÊN QUỐC TẾ

CÁC HOẠT ĐỘNG THƯỜNG NIÊN

Hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế nằm dưới sự điều hành của Phòng Hợp tác Quốc tế và sự hỗ trợ của phòng Công tác sinh viên. Trong những năm qua, nhà trường thường xuyên tổ chức thực hiện các hoạt động bổ ích, lý thú như: Chương trình giao lưu sinh viên Việt – Nhật; Chương trình sinh viên ASEAN kiểu mẫu; Chương trình bán hàng tình nguyện trong dịp Kỷ niệm ngày thành lập Trường; Các hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường; Các lớp tập huấn kỹ năng mềm.

Bên cạnh đó, trường luôn mở ra các cơ hội và tạo điều kiện cho các bạn sinh viên tham gia các hoạt động trao đổi, giao lưu văn hóa với sinh viên các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Sinh viên chương trình tiên tiến thường được chọn làm đại diện cho Đại học Bách Khoa – Đại học Đà Nẵng và Việt Nam tham dự nhiều chương trình, sự kiện lớn trong cộng đồng sinh viên quốc tế.

Hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế được trường Đại học Bách Khoa – Đại học Đà Nẵng thực hiện với mục tiêu tạo điều kiện cho sinh viên DUT cũng như sinh viên các trường đối tác nâng cao kiến thức chuyên môn, tiếng Anh, tìm hiểu về văn hóa và nền giáo dục của các đất nước khác nhau. Đây cũng là cơ hội để các bạn sinh viên tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa cũng như tham gia các hoạt động tình nguyện.

GIÁ TRỊ MANG LẠI

Khi tham gia hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế tại DUT, các bạn nhận được rất nhiều lợi ích như: Chương trình học hoàn toàn miễn phí; được cấp giấy chứng nhận; có cơ hội nâng cao một số kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm....

Và điều quan trọng nhất là các bạn được hoạt động trong môi trường quốc tế, thân thiện, cởi mở và hết sức chuyên nghiệp.





Hỗ trợ
SINH VIÊN



Thông tin hỗ trợ đời sống

GIỚI THIỆU KÝ TÚC XÁ

Trung tâm quản lý ký túc xá trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng là đơn vị phục vụ đào tạo với chức năng nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho sinh viên nội trú.

Tổ quản lý ký túc xá trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng (TQLKTX) là đơn vị chức năng thuộc sự quản lý của Phòng Công tác sinh viên trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng. Ký túc xá Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng được tọa lạc tại số 60 Ngô Sỹ Liên, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, được xây dựng vào năm 1977 bên cạnh Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng.

Sau hơn 40 năm trường thành, Ký túc xá trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng đã trở thành một trong những khu nội trú có uy tín trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Theo quy hoạch, Ký túc xá trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng hiện tại gồm 5 Khu nhà giải quyết chỗ ở cho hơn 1200 sinh viên. Trong đó có một Khu nhà giành riêng cho du học sinh nước ngoài.

Với tiêu chí không những tạo chỗ ở mà còn đáp ứng các nhu cầu vui chơi, giải trí cũng như học tập của sinh viên. Ký túc xá trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng ngày càng chú trọng hơn về quang cảnh cũng như cơ sở vật chất. Về cơ sở vật chất, ngoài phòng ở, mỗi khu nhà có riêng phòng tự học cho sinh viên, phủ mạng khắp ký túc. Về nhu cầu giải trí lành mạnh ở sinh viên, ký túc xá không ngừng xây dựng các khu thể dục thể

thao: sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.... Số lượng cây xanh và ghế đá cũng tăng lên đáng kể, tạo không gian mát mẻ, trong lành cho sinh viên.



Để thúc đẩy hoạt động an ninh cũng như phòng trào, Đội Tự Quản được thành lập để đại diện cho sinh viên. Nhờ đó, nhiều hoạt động đã được tổ chức thường xuyên cho sinh viên trong và ngoài ký túc: Hội xuân ký túc xá, giải bóng đá, hội thi nấu ăn..... Tạo thêm sân chơi cũng như giúp cho ký túc ngày càng được biết đến rộng rãi.



TRUNG TÂM HỖ TRỢ SINH VIÊN VÀ QUAN HỆ DOANH NGHIỆP

Là cầu nối giữa doanh nghiệp, nhà trường và sinh viên thông qua việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sinh viên và doanh nghiệp đạt được mục tiêu của mình.

Là một sinh viên trường Đại học Bách khoa, từ những ngày đầu đến trường, SSERC sẽ từng bước đưa bạn tiếp cận với thế giới nghề nghiệp, giới thiệu những cơ hội việc làm và thực tập trong tương lai; đồng thời SSERC giúp bạn khám phá được sự giao thoa giữa chuyên môn với những yêu cầu nghề nghiệp; từ đó SSERC cung cấp các khóa huấn luyện kỹ năng, giao lưu với doanh nghiệp để bạn hoàn thiện bản thân.

CÔNG TÁC QUAN HỆ DOANH NGHIỆP

- Xây dựng mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân với Trường; vận động và tiếp nhận các nguồn tài trợ cho các hoạt động chung của Trường.
- Thường trực trong việc liên hệ thông tin chăm sóc đối tác trong các sự kiện quan trọng của doanh nghiệp.

CÔNG TÁC TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

- Phối hợp với các đơn vị trong Trường lấy ý kiến khảo sát nhà tuyển dụng theo định kỳ; theo dõi và phản hồi thông tin từ các đơn vị sử dụng lao động; tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.
- Tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm, giới thiệu ngành nghề nhằm tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;
- Xây dựng hệ thống thông tin về việc làm thực tập thông qua cổng thông tin giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động.

CÔNG TÁC HỖ TRỢ SINH VIÊN

- Hỗ trợ sinh viên tiếp cận và đáp ứng tốt yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và thị trường lao động.
- Xây dựng và bồi dưỡng các chương trình kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho sinh viên
- Phối hợp với đơn vị liên quan triển khai học bổng sinh viên do doanh nghiệp tài trợ.

Nhanh chóng liên hệ với SSERC để được hỗ trợ và đăng ký trở thành cộng tác viên:

Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp

Email: sserc@dut.udn.vn

Website: sserc.dut.udn.vn



GIỚI THIỆU ĐOÀN – HỘI DUT

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, trường Đại học Bách khoa (ĐHBK) - ĐHĐN luôn giữ vị trí là một trường đại học kỹ thuật hàng đầu của miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Ngày nay, trường đã có những tiến bộ vượt bậc trong mọi lĩnh vực: học tập, giảng dạy, quy mô tổ chức, các hoạt động phong trào của sinh viên và cán bộ trẻ.

Theo từng bước phát triển của trường, được sự quan tâm chỉ đạo tận tình của Đảng uỷ, Ban giám hiệu và các đơn vị chức năng trong toàn trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (ĐTN) trường ĐHBK đã ngày càng lớn mạnh, trưởng thành và luôn là đơn vị dẫn đầu trong mọi mặt hoạt động trong các trường Đại học, Cao đẳng thuộc Đại học Đà Nẵng cũng như trên địa bàn Thành phố. Đoàn Thanh niên trường luôn được Trung ương Đoàn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND Thành phố Đà Nẵng, Thành Đoàn Đà Nẵng tặng bằng khen và cờ thi đua; nhiều năm liền được Trung ương Đoàn công nhận là đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên – sinh viên.

Kể từ khi trường Đại học Bách khoa thành lập (1975) và Đảng Bộ trường ĐHBK ra đời, một nhiệm vụ cấp thiết đặt ra cho Đảng bộ trường vào thời điểm đó chính là việc xây dựng một tổ chức của Đảng thật vững mạnh với những cán bộ vừa hồng vừa chuyên, mà Đoàn Thanh niên chính là cánh tay phải đắc lực. Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ - Ban Giám hiệu, Đoàn Thanh niên trường ĐHBK Đà Nẵng được thành lập. Và có thể nói, ngay từ những ngày đầu cho đến 40 năm sau, Đoàn Thanh

niên trường đã luôn giữ vị trí là một cơ sở đoàn lớn mạnh trong khối các trường Đại học – Cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và thành phố Đà Nẵng sau này.

Trong giai đoạn trước năm 1995, những hoạt động do Đoàn trường tổ chức đã diễn ra sôi nổi trên nhiều mặt trận. Nổi bật là phong trào "**Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận Khoa học - Kỹ thuật**" của thanh niên sinh viên cũng như các hoạt động "**Gắn liền Nhà trường với xã hội, học tập với lao động sản xuất**". Ngoài các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học, Đoàn trường còn động viên đoàn viên, thanh niên tham gia vào các công tác xã hội cũng như hăng hái tham gia lao động trên các mặt trận tình nguyện.

Từ khi Đại học Đà Nẵng được thành lập (1995), Đoàn trường Đại học Bách khoa trở thành một trong những đơn vị trực thuộc Đoàn Đại học Đà Nẵng. Đóng vai trò như người anh cả trong hệ thống Đoàn cơ sở trực thuộc Đoàn ĐHĐN, 20 năm qua, Đoàn trường Đại học Bách khoa luôn thể hiện vị thế của mình, luôn là lá cờ đầu trong phong trào thi đua của Đoàn Đại học Đà Nẵng. Trong 20 năm qua, Đoàn trường đã có nhiều mô hình hoạt động, sáng kiến hiệu quả được minh họa cụ thể qua các kết quả mà Đoàn trường ĐHBK đã đạt được trong gần 10 năm trở lại đây (2005-2015):

1. **Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn:** Đoàn trường ĐHBK đã được tổ chức hợp lý, chặt chẽ theo 3 cấp, liên tục được củng cố một cách nề nếp và hiệu quả. Uy tín cao của tổ chức Đoàn thanh niên luôn

được khẳng định đối với Ban Giám hiệu nhà trường, các thầy cô giáo và toàn thể sinh viên.

2. **Vai trò nòng cốt chính trị đối với tổ chức Hội sinh viên trường:** Đoàn thanh niên các cấp hoàn thành tốt vai trò nòng cốt chính trị đối với tổ chức Hội sinh viên. Tổ chức Đoàn và Hội đã luôn phối hợp rất tốt trong mọi hoạt động phong trào sinh viên.

3. **Tham gia xây dựng Đảng:** Tích cực tuyên truyền truyền thống vẻ vang của Đảng cộng sản Việt Nam. Tổ chức nhiều lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng và giới thiệu kết nạp nhiều Đoàn viên ưu tú vào Đảng.

4. **Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, sinh viên:** Luôn bám sát chủ trương đường lối của Đảng, của Nhà nước luôn tổ chức các hoạt động về mọi mặt nhằm tạo điều kiện cho toàn thể đoàn viên thể hiện rõ vai trò xung kích của tuổi trẻ với lối sống lành mạnh, ý chí vươn lên trong học tập, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển nhà trường và xã hội. Trong các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cấp Đại học Đà Nẵng, đội của trường luôn giành được giải cao. Ngoài ra, Đoàn trường còn tích cực tham gia các hoạt động khác do Thành Đoàn, Trung ương Đoàn tổ chức.

5. **Phong trào học tập và nghiên cứu khoa học trong cán bộ trẻ và sinh viên nhà trường:** Tổ chức Đoàn Thanh niên đã luôn

chú trọng đẩy mạnh các hoạt động học tập - NCKH của sinh viên và đội ngũ cán bộ trẻ. Tuổi trẻ nhà trường luôn khẳng định vị trí đứng đầu về nề nếp học tập, về NCKH sinh viên trong khối ĐH - CĐ của Miền Trung - Tây nguyên.

6. **Phong trào thanh niên tình nguyện:** Phong trào Thanh niên tình nguyện là mảng hoạt động rất mạnh, đáng tự hào của tuổi trẻ nhà trường. Đoàn viên, sinh viên ĐHBK rất tích cực trong các công tác chung sức cùng cộng đồng. Những thành tích của Đoàn viên - thanh niên nhà trường trong những đợt tình nguyện "Mùa hè xanh" luôn được địa phương và Đoàn cấp trên ghi nhận, đánh giá cao. Hoạt động hiến máu nhân đạo cũng là một trong những hoạt động sôi nổi của tuổi trẻ nhà trường. Chỉ trong ba đợt vận động hiến máu nhân đạo của năm học 2014-2015, sinh viên nhà trường đã đóng góp hơn 1500 đơn vị máu...

7. **Phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao:** Hoạt động văn hoá - văn nghệ - thể thao luôn là thế mạnh của công tác Đoàn trường Đại học Bách khoa. Tiếp bước truyền thống, hơn 5 năm qua tổ chức ĐTN trường đã tiếp tục triển khai các hoạt động văn thể rất hiệu quả nhằm tập hợp, phát huy tính sáng tạo, sôi nổi của tuổi trẻ và đã thể hiện được bản sắc riêng của sinh viên nhà trường.



TRUNG TÂM HỌC LIỆU

Trung tâm Thông tin Học liệu Đại học Đà Nẵng là một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đại học Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 1044/QĐ/TCB ngày 28.09.1999 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 28.09.2000.

Hiện tại Trung tâm có hai cơ sở:

Cơ sở 1 tọa lạc tại số 91A Nguyễn Thị Minh Khai thành phố Đà Nẵng (Trung tâm Thông tin Tư liệu) có tổng diện tích sử dụng 3.000m² gồm 6 tầng với 600 chỗ ngồi đọc, một phòng 25 máy tính dành cho cán bộ, giảng viên và gần 100 máy trạm phục vụ tra cứu thông tin tại các phòng đọc.

Cơ sở 2 tọa lạc tại số 54 Nguyễn Lương Bằng thành phố Đà Nẵng (Trung tâm Học liệu) có tổng diện tích 4.500m² gồm 3 tầng với 1.000 chỗ ngồi và 250 máy tính kết nối Internet.

Với mục tiêu hoạt động là tổ chức, khai thác, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội, nhân văn... phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của gần 2.000 cán bộ, giảng viên và trên 60.000 sinh viên, học viên các hệ cao đẳng, đại học và sau đại học trong toàn Đại học Đà Nẵng thông qua:

- Hệ thống các kho tài liệu mở.
- Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử.
- Hệ thống mạng thông tin nội bộ được kết nối để truy cập, khai thác và sử dụng các nguồn thông tin qua mạng internet.

Hiện tại, Trung tâm đang thực hiện chính sách miễn phí việc sử dụng thông tin tư liệu đối với các đối tượng trong diện phục vụ của Trung tâm.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Thu thập, tổ chức, khai thác, lưu trữ và cung cấp các dịch vụ thông tin tư liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên, sinh viên đang công tác, học tập tại Đại học Đà Nẵng và các đối tượng khác có nhu cầu.

Nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu mới về công nghệ thông tin để duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của Trung tâm.



Hướng dẫn nghiệp vụ, xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất cho Thư viện các Trường thành viên của Đại học Đà Nẵng tiến đến kết nối các đơn vị này thành một hệ thống thông tin thống nhất.

Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin thư viện

ngắn hạn. Tổ chức hoặc liên kết đào tạo các chương trình đại học, cao đẳng ngành thông tin thư viện khi được Đại học Đà Nẵng phê duyệt.

Liên kết với các thư viện, các trung tâm thông tin trong và ngoài nước để nâng cao khả năng khai thác, trao đổi thông tin, tổ chức các dịch vụ về thông tin tư liệu hiệu quả và chất lượng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển của Trung tâm Thông tin Học liệu là tổ chức xây dựng Trung tâm theo mô hình một Trung tâm Thông tin điện tử hiện đại.



Trước mắt, Trung tâm tiếp tục phát triển nguồn tài nguyên in giấy và điện tử, đẩy mạnh các hoạt động thông tin, mở rộng liên kết trao đổi với các đơn vị bạn, khai thác hiệu quả các phương tiện hiện đại nhằm phục vụ tốt hơn nữa các nhu cầu nghiên cứu khoa

học, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên, sinh viên ĐHĐN nói riêng và từng bước vươn ra đáp ứng các nhu cầu thông tin tư liệu cho các đối tượng khác trong khu vực

NGUỒN TÀI NGUYÊN



130 tên báo tạp chí tiếng Việt và các ngôn ngữ khác.

3.800 tên luận văn, luận án tiến sĩ, thạc sĩ và 530 báo cáo khoa học.

1.300 tài liệu tham khảo các loại và bách khoa toàn thư.

51.000 bản tài liệu chuyên khảo.

47.100 bản tài liệu giáo trình.

Các cơ sở dữ liệu điện tử, đĩa CD ROM, sách điện tử ...

420 máy trạm Dell cấu hình mạnh kết nối Internet.



THE UNIVERSITY OF DANANG

DANANG UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



<http://www.ete.dut.udn.vn>

Địa chỉ: Phòng C108, Tầng 1, Khu C trường
ĐHBK, 54 Nguyễn Lương Bằng, TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.3841287

Fax: 0236.3841287

Email: khoadtvt@dut.udn.vn

